

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-HV ngày tháng năm 2026 của Giám đốc Học viện)

Khóa: 2022  
Hệ đào tạo: Đại học chính quy  
Hình thức đào tạo: Chính quy  
Đơn vị đào tạo: Cơ sở đào tạo Hà Nội  
Ngành đào tạo: Báo chí

| TT | Họ và tên       |        | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh      | ĐTB  | Xếp loại | Ghi chú     |
|----|-----------------|--------|-----------|------------|---------------|------|----------|-------------|
| 1  | Đỗ Diệp         | Anh    | Nữ        | 22/05/2004 | Hà Tây        | 3.40 | Giỏi     | D22CQBC01-B |
| 2  | Đỗ Thị Phương   | Anh    | Nữ        | 01/08/2004 | Hà Nội        | 3.45 | Giỏi     | D22CQBC01-B |
| 3  | Lê Quỳnh        | Anh    | Nữ        | 11/09/2004 | Hà Nội        | 3.54 | Giỏi     | D22CQBC01-B |
| 4  | Ngô Thúy        | Anh    | Nữ        | 26/07/2004 | Bắc Ninh      | 3.36 | Giỏi     | D22CQBC01-B |
| 5  | Nguyễn Vũ Kiều  | Anh    | Nữ        | 06/02/2004 | Hà Nội        | 3.34 | Giỏi     | D22CQBC01-B |
| 6  | Phạm Đức        | Anh    | Nam       | 24/10/2004 | Liên Bang Nga | 3.15 | Khá      | D22CQBC01-B |
| 7  | Nguyễn Thị Ngọc | Ánh    | Nữ        | 17/03/2004 | Hà Nội        | 3.47 | Giỏi     | D22CQBC01-B |
| 8  | Lê Thị          | Chi    | Nữ        | 13/03/2004 | Hưng Yên      | 3.45 | Giỏi     | D22CQBC01-B |
| 9  | Dương Mạnh      | Cường  | Nam       | 16/09/2004 | Hà Nội        | 3.38 | Giỏi     | D22CQBC01-B |
| 10 | Phùng Kim       | Dung   | Nữ        | 01/12/2004 | Hà Tây        | 3.55 | Giỏi     | D22CQBC01-B |
| 11 | Nguyễn Thùy     | Dương  | Nữ        | 17/08/2004 | Hà Tây        | 3.65 | Xuất sắc | D22CQBC01-B |
| 12 | Phí Mai         | Hạnh   | Nữ        | 21/08/2003 | Hà Nội        | 3.00 | Khá      | D22CQBC01-B |
| 13 | Lê Thị Thúy     | Hằng   | Nữ        | 11/12/2004 | Nam Định      | 3.14 | Khá      | D22CQBC01-B |
| 14 | Đinh Phi        | Hoàng  | Nam       | 21/01/2004 | Thanh Hóa     | 3.24 | Giỏi     | D22CQBC01-B |
| 15 | Nguyễn Phương   | Huyền  | Nữ        | 31/03/2004 | Hà Tây        | 3.74 | Xuất sắc | D22CQBC01-B |
| 16 | Phùng Ngọc      | Huyền  | Nữ        | 29/06/2004 | Hà Tây        | 3.58 | Giỏi     | D22CQBC01-B |
| 17 | Hoàng Ngọc Lan  | Hương  | Nữ        | 08/03/2004 | Hà Nội        | 3.44 | Giỏi     | D22CQBC01-B |
| 18 | Mai Thị Quỳnh   | Hương  | Nữ        | 24/12/2003 | Thái Bình     | 3.44 | Giỏi     | D22CQBC01-B |
| 19 | Bùi Lê Tú       | Linh   | Nữ        | 27/10/2004 | Thanh Hóa     | 3.45 | Giỏi     | D22CQBC01-B |
| 20 | Bùi Thị Hương   | Linh   | Nữ        | 09/07/2002 | Hà Tây        | 3.36 | Giỏi     | D22CQBC01-B |
| 21 | Ngô Hà          | Linh   | Nữ        | 08/10/2004 | Hà Nội        | 3.68 | Xuất sắc | D22CQBC01-B |
| 22 | Nguyễn Thùy     | Linh   | Nữ        | 25/02/2004 | Ninh Bình     | 3.44 | Giỏi     | D22CQBC01-B |
| 23 | Đinh Gia        | Lợi    | Nam       | 15/02/2004 | Hà Tây        | 3.31 | Giỏi     | D22CQBC01-B |
| 24 | Nguyễn Thị Hồng | Mai    | Nữ        | 11/10/2004 | Hà Tây        | 3.37 | Giỏi     | D22CQBC01-B |
| 25 | Nguyễn Hồ       | Mây    | Nữ        | 05/02/2004 | Thanh Hóa     | 3.39 | Giỏi     | D22CQBC01-B |
| 26 | Trần Đức        | Minh   | Nam       | 11/11/2004 | Hải Phòng     | 3.06 | Khá      | D22CQBC01-B |
| 27 | Đoàn Thị Tuyết  | Ngân   | Nữ        | 03/04/2004 | Ninh Bình     | 3.32 | Giỏi     | D22CQBC01-B |
| 28 | Nguyễn Thị      | Ngọc   | Nữ        | 13/01/2004 | Hà Tây        | 3.39 | Giỏi     | D22CQBC01-B |
| 29 | Trần Thị Minh   | Nguyệt | Nữ        | 22/09/2004 | Hà Nội        | 3.56 | Giỏi     | D22CQBC01-B |
| 30 | Vương Tú        | Nguyệt | Nữ        | 25/08/2004 | Hải Dương     | 3.24 | Giỏi     | D22CQBC01-B |

| TT | Họ và tên      |        | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh  | ĐTB  | Xếp loại | Ghi chú     |
|----|----------------|--------|-----------|------------|-----------|------|----------|-------------|
| 31 | Chu Thị        | Nụ     | Nữ        | 11/06/2004 | Hà Tây    | 3.35 | Giỏi     | D22CQBC01-B |
| 32 | Nguyễn Thị     | Phương | Nữ        | 14/10/2004 | Hà Tây    | 3.46 | Giỏi     | D22CQBC01-B |
| 33 | Nguyễn Thị     | Phương | Nữ        | 17/08/2004 | Hải Dương | 3.36 | Giỏi     | D22CQBC01-B |
| 34 | Nguyễn Như     | Quỳnh  | Nữ        | 12/02/2004 | Hà Nội    | 3.36 | Giỏi     | D22CQBC01-B |
| 35 | Nguyễn Thị Như | Quỳnh  | Nữ        | 04/06/2004 | Bắc Giang | 3.57 | Giỏi     | D22CQBC01-B |
| 36 | Lê Thanh       | Tâm    | Nữ        | 07/02/2004 | Thanh Hóa | 3.39 | Giỏi     | D22CQBC01-B |
| 37 | Phạm Ngọc      | Thảo   | Nữ        | 04/06/2004 | Hà Nội    | 3.38 | Giỏi     | D22CQBC01-B |
| 38 | Vũ Thị Phương  | Thảo   | Nữ        | 05/05/2004 | Hà Nam    | 3.38 | Giỏi     | D22CQBC01-B |
| 39 | Phạm Thị       | Thu    | Nữ        | 24/04/2004 | Hà Tây    | 3.41 | Giỏi     | D22CQBC01-B |
| 40 | Hà Kiều        | Trang  | Nữ        | 21/02/2004 | Bắc Ninh  | 3.01 | Khá      | D22CQBC01-B |
| 41 | Hoàng Thu      | Trang  | Nữ        | 02/10/2004 | Hưng Yên  | 3.38 | Giỏi     | D22CQBC01-B |
| 42 | Lương Thị      | Trang  | Nữ        | 09/06/2004 | Hải Phòng | 3.47 | Giỏi     | D22CQBC01-B |
| 43 | Lê Tường       | Vi     | Nữ        | 24/02/2004 | Hà Nội    | 3.46 | Giỏi     | D22CQBC01-B |
| 44 | Nguyễn Thị     | Xuân   | Nữ        | 12/04/2004 | Hải Dương | 3.45 | Giỏi     | D22CQBC01-B |
| 45 | Đỗ Thị Hải     | Yến    | Nữ        | 06/03/2004 | Nam Định  | 3.54 | Giỏi     | D22CQBC01-B |
| 46 | Lê Thị Hải     | Yến    | Nữ        | 22/09/2004 | Hưng Yên  | 3.47 | Giỏi     | D22CQBC01-B |
| 47 | Nguyễn Bảo     | Yến    | Nữ        | 29/03/2004 | Thái Bình | 3.49 | Giỏi     | D22CQBC01-B |

**Danh sách gồm 47 sinh viên.**

- Trong đó:
- Xuất sắc: 3 sinh viên
  - Giỏi: 39 sinh viên
  - Khá: 5 sinh viên
  - Trung bình: 0 sinh viên

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**PGS.TS Trần Quang Anh**

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-HV ngày tháng năm 2026 của Giám đốc Học viện)

Khóa: 2022  
Hệ đào tạo: Đại học chính quy  
Hình thức đào tạo: Chính quy  
Đơn vị đào tạo: Cơ sở đào tạo Hà Nội  
Ngành đào tạo: Truyền thông Đa phương tiện

| TT | Họ và tên               | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh    | ĐTB  | Xếp loại | Ghi chú     |
|----|-------------------------|-----------|------------|-------------|------|----------|-------------|
| 1  | Nguyễn Thị Bình An      | Nữ        | 14/07/2004 | Bắc Giang   | 3.43 | Giỏi     | D22CQTT01-B |
| 2  | Hoàng Phương Quỳnh Anh  | Nữ        | 20/01/2004 | Hải Phòng   | 3.39 | Giỏi     | D22CQTT01-B |
| 3  | Ngô Thị Mai Anh         | Nữ        | 09/10/2003 | Thái Nguyên | 3.26 | Giỏi     | D22CQTT01-B |
| 4  | Phạm Tú Anh             | Nữ        | 11/04/2004 | Hà Nội      | 3.43 | Giỏi     | D22CQTT01-B |
| 5  | Ngân Thị Quế Chi        | Nữ        | 25/11/2003 | Lạng Sơn    | 3.21 | Giỏi     | D22CQTT01-B |
| 6  | Lê Đức Công             | Nam       | 29/05/2004 | Bắc Ninh    | 2.93 | Khá      | D22CQTT01-B |
| 7  | Nguyễn Hạnh Dung        | Nữ        | 05/05/2004 | Nam Định    | 3.31 | Giỏi     | D22CQTT01-B |
| 8  | Vũ Đình Đạt             | Nam       | 14/10/2004 | Bắc Ninh    | 3.10 | Khá      | D22CQTT01-B |
| 9  | Bùi Ngọc Hà             | Nữ        | 10/07/2004 | Hoà Bình    | 2.88 | Khá      | D22CQTT01-B |
| 10 | Ngô Thị Thu Hà          | Nữ        | 24/07/2004 | Bắc Giang   | 3.37 | Giỏi     | D22CQTT01-B |
| 11 | Vũ Thị Thanh Hà         | Nữ        | 09/08/2004 | Thái Bình   | 3.46 | Giỏi     | D22CQTT01-B |
| 12 | Lê Đặng Bích Hạnh       | Nữ        | 19/06/2004 | Hà Nội      | 3.27 | Giỏi     | D22CQTT01-B |
| 13 | Nguyễn Thanh Hằng       | Nữ        | 02/01/2004 | Vĩnh Phúc   | 3.43 | Giỏi     | D22CQTT01-B |
| 14 | Phạm Thu Hiền           | Nữ        | 23/12/2004 | Quảng Ninh  | 3.57 | Giỏi     | D22CQTT01-B |
| 15 | Hoàng Thị Kim Hồng      | Nữ        | 21/09/2004 | Thanh Hóa   | 3.29 | Giỏi     | D22CQTT01-B |
| 16 | Đào Thị Khánh Huyền     | Nữ        | 24/08/2004 | Bắc Ninh    | 3.29 | Giỏi     | D22CQTT01-B |
| 17 | Dương Ngọc Khánh        | Nữ        | 09/02/2004 | Hà Tây      | 3.46 | Giỏi     | D22CQTT01-B |
| 18 | Nguyễn Thị Lan          | Nữ        | 24/10/2004 | Bắc Giang   | 3.65 | Xuất sắc | D22CQTT01-B |
| 19 | Chu Hà Huyền Linh       | Nữ        | 17/07/2004 | Hà Tĩnh     | 3.25 | Giỏi     | D22CQTT01-B |
| 20 | Đoàn Khánh Linh         | Nữ        | 05/05/2004 | Nam Định    | 3.42 | Giỏi     | D22CQTT01-B |
| 21 | Nguyễn Hoài Linh        | Nữ        | 07/06/2004 | Hà Tây      | 3.45 | Giỏi     | D22CQTT01-B |
| 22 | Nguyễn Ngọc Phương Linh | Nữ        | 28/07/2004 | Hải Phòng   | 3.67 | Xuất sắc | D22CQTT01-B |
| 23 | Nguyễn Trường Linh      | Nam       | 18/01/2004 | Hà Tĩnh     | 3.37 | Giỏi     | D22CQTT01-B |
| 24 | Trần Ngọc Linh          | Nữ        | 08/09/2004 | Ninh Bình   | 3.29 | Giỏi     | D22CQTT01-B |
| 25 | Đào Xuân Lộc            | Nam       | 01/10/2004 | Thái Bình   | 2.85 | Khá      | D22CQTT01-B |
| 26 | Đàm Thúy Mai            | Nữ        | 02/05/2004 | Cao Bằng    | 3.04 | Khá      | D22CQTT01-B |
| 27 | Mai Ngọc Minh           | Nam       | 23/11/2004 | Thanh Hóa   | 3.27 | Giỏi     | D22CQTT01-B |
| 28 | Cổ Thị Trà My           | Nữ        | 02/04/2004 | Lạng Sơn    | 3.16 | Khá      | D22CQTT01-B |
| 29 | Đỗ Phương Nam           | Nam       | 18/10/2004 | Hồ Chí Minh | 3.59 | Giỏi     | D22CQTT01-B |

| TT | Họ và tên        |        | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh   | ĐTB  | Xếp loại | Ghi chú     |
|----|------------------|--------|-----------|------------|------------|------|----------|-------------|
| 30 | Vũ Thị           | Nga    | Nữ        | 24/05/2004 | Bắc Ninh   | 3.29 | Giỏi     | D22CQTT01-B |
| 31 | Trần Thị Hồng    | Ngân   | Nữ        | 03/12/2004 | Hoà Bình   | 3.52 | Giỏi     | D22CQTT01-B |
| 32 | Nguyễn Đoàn Bích | Ngọc   | Nữ        | 18/12/2004 | Hà Nội     | 3.41 | Giỏi     | D22CQTT01-B |
| 33 | Phí Vũ Hưng      | Nguyên | Nam       | 13/01/2004 | Vĩnh Phúc  | 3.14 | Khá      | D22CQTT01-B |
| 34 | Lương Yến        | Nhi    | Nữ        | 07/11/2003 | Thanh Hóa  | 3.51 | Giỏi     | D22CQTT01-B |
| 35 | Nguyễn Hà        | Như    | Nữ        | 17/10/2004 | Nghệ An    | 3.52 | Giỏi     | D22CQTT01-B |
| 36 | Nguyễn Tiến      | Phương | Nam       | 11/12/2004 | Hoà Bình   | 3.02 | Khá      | D22CQTT01-B |
| 37 | Hoàng Kim        | Phượng | Nữ        | 21/11/2003 | Thanh Hóa  | 3.35 | Giỏi     | D22CQTT01-B |
| 38 | Đặng Việt        | Quang  | Nam       | 06/07/2003 | Bắc Giang  | 2.97 | Khá      | D22CQTT01-B |
| 39 | Lê Xuân          | Quang  | Nam       | 11/10/2004 | Hà Nội     | 3.32 | Giỏi     | D22CQTT01-B |
| 40 | Lê Thị Như       | Quỳnh  | Nữ        | 28/03/2004 | Nghệ An    | 3.50 | Giỏi     | D22CQTT01-B |
| 41 | Phạm Thị Diễm    | Quỳnh  | Nữ        | 05/09/2004 | Ninh Bình  | 3.43 | Giỏi     | D22CQTT01-B |
| 42 | Lã Minh          | Tâm    | Nữ        | 19/04/2004 | Hà Nội     | 3.04 | Khá      | D22CQTT01-B |
| 43 | Tạ Minh          | Tâm    | Nữ        | 22/09/2003 | Hải Phòng  | 3.43 | Giỏi     | D22CQTT01-B |
| 44 | Nguyễn Tuấn      | Thành  | Nam       | 05/09/2004 | Hải Dương  | 3.47 | Giỏi     | D22CQTT01-B |
| 45 | Hoàng Thị Hương  | Thảo   | Nữ        | 11/01/2003 | Hải Dương  | 3.31 | Giỏi     | D22CQTT01-B |
| 46 | Phạm Hữu         | Thắng  | Nam       | 08/05/2004 | Bắc Giang  | 3.23 | Giỏi     | D22CQTT01-B |
| 47 | Bùi Khánh        | Thi    | Nữ        | 05/08/2004 | Hải Phòng  | 3.49 | Giỏi     | D22CQTT01-B |
| 48 | Phạm Anh         | Thư    | Nữ        | 16/09/2004 | Hà Nội     | 3.33 | Giỏi     | D22CQTT01-B |
| 49 | Đỗ Thị Thanh     | Thương | Nữ        | 26/02/2004 | Hà Nội     | 3.40 | Giỏi     | D22CQTT01-B |
| 50 | Vũ Thị Mai       | Thương | Nữ        | 18/04/2004 | Điện Biên  | 3.24 | Giỏi     | D22CQTT01-B |
| 51 | Lê Quỳnh         | Trang  | Nữ        | 15/11/2004 | Quảng Ninh | 3.30 | Giỏi     | D22CQTT01-B |
| 52 | Trần Anh         | Tú     | Nam       | 12/11/2004 | Hà Nội     | 3.22 | Giỏi     | D22CQTT01-B |
| 53 | Ninh Phương      | Uyên   | Nữ        | 01/06/2004 | Nam Định   | 3.44 | Giỏi     | D22CQTT01-B |
| 54 | Đặng Trà         | Vy     | Nữ        | 19/12/2004 | Thái Bình  | 3.43 | Giỏi     | D22CQTT01-B |
| 55 | Hoàng Thị Mai    | Anh    | Nữ        | 16/04/2004 | Bắc Ninh   | 2.96 | Khá      | D22CQTT02-B |
| 56 | Nguyễn Hải       | Anh    | Nữ        | 05/11/2004 | Hà Tây     | 3.36 | Giỏi     | D22CQTT02-B |
| 57 | Nguyễn Thị Vân   | Anh    | Nữ        | 24/01/2004 | Bắc Ninh   | 3.28 | Giỏi     | D22CQTT02-B |
| 58 | Trần Minh        | Anh    | Nữ        | 09/05/2004 | Hà Tây     | 3.62 | Xuất sắc | D22CQTT02-B |
| 59 | Nguyễn Thị Minh  | Ánh    | Nữ        | 12/03/2004 | Vĩnh Phúc  | 3.15 | Khá      | D22CQTT02-B |
| 60 | Vũ Thái Hoàng    | Châu   | Nữ        | 14/06/2004 | Hải Phòng  | 3.40 | Giỏi     | D22CQTT02-B |
| 61 | Trần Thị         | Chuyên | Nữ        | 20/11/2004 | Thái Bình  | 3.49 | Giỏi     | D22CQTT02-B |
| 62 | Ngô Văn          | Dũng   | Nam       | 23/04/2004 | Thanh Hóa  | 3.32 | Giỏi     | D22CQTT02-B |
| 63 | Lê Thị           | Dương  | Nữ        | 05/07/2004 | Thanh Hóa  | 3.25 | Giỏi     | D22CQTT02-B |
| 64 | Lương Thành      | Đạt    | Nam       | 13/09/2004 | Nghệ An    | 2.92 | Khá      | D22CQTT02-B |
| 65 | Đỗ Tài           | Đức    | Nam       | 07/03/2004 | Hải Phòng  | 3.29 | Giỏi     | D22CQTT02-B |
| 66 | Nguyễn Thị       | Hà     | Nữ        | 05/08/2004 | Hà Nam     | 3.23 | Giỏi     | D22CQTT02-B |
| 67 | Khuong Thị       | Hạnh   | Nữ        | 14/10/2004 | Thanh Hóa  | 3.33 | Giỏi     | D22CQTT02-B |

| TT  | Họ và tên     |        | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh    | ĐTB  | Xếp loại | Ghi chú     |
|-----|---------------|--------|-----------|------------|-------------|------|----------|-------------|
| 68  | Nguyễn Quang  | Hào    | Nam       | 13/07/2004 | Hà Tây      | 3.09 | Khá      | D22CQTT02-B |
| 69  | Đào Lê Khánh  | Hiền   | Nữ        | 29/05/2004 | Hà Nội      | 3.37 | Giỏi     | D22CQTT02-B |
| 70  | Trần Minh     | Hiếu   | Nam       | 18/06/2002 | Hà Nội      | 3.16 | Khá      | D22CQTT02-B |
| 71  | Lương Thu     | Hoài   | Nữ        | 20/10/2003 | Tuyên Quang | 3.21 | Giỏi     | D22CQTT02-B |
| 72  | Nguyễn Bá     | Hội    | Nam       | 20/03/2004 | Đắk Nông    | 2.82 | Khá      | D22CQTT02-B |
| 73  | Trương Dương  | Huy    | Nam       | 28/04/2003 | Thái Bình   | 3.38 | Giỏi     | D22CQTT02-B |
| 74  | Đỗ Thị Mỹ     | Huyền  | Nữ        | 14/10/2004 | Ninh Bình   | 3.51 | Giỏi     | D22CQTT02-B |
| 75  | Nguyễn Văn    | Khánh  | Nam       | 19/01/2004 | Hà Tĩnh     | 2.90 | Khá      | D22CQTT02-B |
| 76  | Nguyễn Mai    | Khuê   | Nữ        | 26/10/2004 | Hà Nội      | 3.34 | Giỏi     | D22CQTT02-B |
| 77  | Bùi Thị Thùy  | Linh   | Nữ        | 16/08/2004 | Hải Phòng   | 3.56 | Giỏi     | D22CQTT02-B |
| 78  | Đặng Thùy     | Linh   | Nữ        | 07/08/2004 | Hà Tây      | 3.51 | Giỏi     | D22CQTT02-B |
| 79  | Lê Ngọc       | Linh   | Nữ        | 27/01/2003 | Hà Tây      | 3.09 | Khá      | D22CQTT02-B |
| 80  | Nguyễn Khánh  | Linh   | Nữ        | 02/03/2004 | Hà Nội      | 3.24 | Giỏi     | D22CQTT02-B |
| 81  | Nguyễn Thùy   | Linh   | Nữ        | 27/09/2004 | Hà Nội      | 3.45 | Giỏi     | D22CQTT02-B |
| 82  | Phùng Thùy    | Linh   | Nữ        | 24/04/2003 | Hà Nội      | 3.63 | Xuất sắc | D22CQTT02-B |
| 83  | Phùng Duy     | Lương  | Nam       | 13/11/2004 | Phú Thọ     | 3.35 | Giỏi     | D22CQTT02-B |
| 84  | Nguyễn Thị    | Mai    | Nữ        | 18/12/2004 | Thái Bình   | 3.13 | Khá      | D22CQTT02-B |
| 85  | Trần Công     | Minh   | Nam       | 25/09/2004 | Nam Định    | 3.04 | Khá      | D22CQTT02-B |
| 86  | Vũ Trà        | My     | Nữ        | 14/02/2004 | Hà Tây      | 3.05 | Khá      | D22CQTT02-B |
| 87  | Nguyễn Ngọc   | Nga    | Nữ        | 11/03/2004 | Hà Tây      | 3.46 | Giỏi     | D22CQTT02-B |
| 88  | Nguyễn Kim    | Ngân   | Nữ        | 28/10/2004 | Bắc Ninh    | 2.97 | Khá      | D22CQTT02-B |
| 89  | Lê Thị Ánh    | Ngọc   | Nữ        | 11/06/2004 | Thanh Hóa   | 3.37 | Giỏi     | D22CQTT02-B |
| 90  | Trần Thị Minh | Ngọc   | Nữ        | 29/10/2004 | Bắc Ninh    | 3.47 | Giỏi     | D22CQTT02-B |
| 91  | Bế Thu        | Nguyệt | Nữ        | 20/02/2003 | Bắc Kạn     | 3.26 | Giỏi     | D22CQTT02-B |
| 92  | Vũ Thị Ánh    | Nguyệt | Nữ        | 07/02/2004 | Hà Tây      | 3.35 | Giỏi     | D22CQTT02-B |
| 93  | Bùi Yến       | Nhi    | Nữ        | 12/11/2004 | Hà Nội      | 3.22 | Giỏi     | D22CQTT02-B |
| 94  | Phạm Nhật     | Phương | Nữ        | 13/02/2004 | Ninh Bình   | 3.60 | Xuất sắc | D22CQTT02-B |
| 95  | Bùi Đại       | Quang  | Nam       | 24/05/2004 | Thái Bình   | 3.29 | Giỏi     | D22CQTT02-B |
| 96  | Đỗ Minh       | Quang  | Nam       | 18/10/2004 | Nam Định    | 3.36 | Giỏi     | D22CQTT02-B |
| 97  | Hồ Hoàng Minh | Quyên  | Nữ        | 06/11/2003 | Hà Nội      | 3.45 | Giỏi     | D22CQTT02-B |
| 98  | Bùi Đình      | Sơn    | Nam       | 22/02/2004 | Hải Dương   | 3.38 | Giỏi     | D22CQTT02-B |
| 99  | Nguyễn Công   | Thành  | Nam       | 22/06/2004 | Lào Cai     | 2.96 | Khá      | D22CQTT02-B |
| 100 | Nguyễn Phương | Thảo   | Nữ        | 25/12/2004 | Hưng Yên    | 3.45 | Giỏi     | D22CQTT02-B |
| 101 | Trần Văn      | Thân   | Nam       | 10/09/2004 | Ninh Bình   | 3.34 | Giỏi     | D22CQTT02-B |
| 102 | Phạm Thị Thu  | Thủy   | Nữ        | 18/05/2004 | Nghệ An     | 3.38 | Giỏi     | D22CQTT02-B |
| 103 | Đinh Thị Kiều | Thương | Nữ        | 06/12/2004 | Hà Nội      | 3.29 | Giỏi     | D22CQTT02-B |
| 104 | Nguyễn Thị    | Thương | Nữ        | 13/03/2004 | Thanh Hóa   | 3.43 | Giỏi     | D22CQTT02-B |
| 105 | Hoàng Minh    | Trang  | Nữ        | 07/10/2004 | Hoà Bình    | 3.25 | Giỏi     | D22CQTT02-B |

| TT  | Họ và tên             | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh | ĐTB  | Xếp loại | Ghi chú     |
|-----|-----------------------|-----------|------------|----------|------|----------|-------------|
| 106 | Nguyễn Thị Hồng Trang | Nữ        | 23/08/2004 | Hà Nội   | 3.39 | Giỏi     | D22CQTT02-B |
| 107 | Nguyễn Xuân Tùng      | Nam       | 30/08/2004 | Hà Nội   | 3.36 | Giỏi     | D22CQTT02-B |
| 108 | Trần Thị Xuân         | Nữ        | 05/03/2004 | Nghệ An  | 3.63 | Xuất sắc | D22CQTT02-B |

**Danh sách gồm 108 sinh viên.**

Trong đó:

- Xuất sắc: 6 sinh viên
- Giỏi: 79 sinh viên
- Khá: 23 sinh viên
- Trung bình: 0 sinh viên

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**PGS.TS Trần Quang Anh**

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC**

(Kèm theo Quyết định số:       /QĐ-HV ngày        tháng        năm 2026 của Giám đốc Học viện)

Khóa:                               **2022**  
Hệ đào tạo:                   **Đại học chính quy**  
Hình thức đào tạo:       **Chính quy**  
Đơn vị đào tạo:           **Cơ sở đào tạo Hà Nội**  
Ngành đào tạo:           **Quản trị kinh doanh**

| TT | Họ và tên       |       | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh    | ĐTBCT | Xếp loại | Ghi chú   |
|----|-----------------|-------|-----------|------------|-------------|-------|----------|-----------|
| 1  | Bùi Quỳnh       | Anh   | Nữ        | 09/05/2004 | Hoà Bình    | 2.92  | Khá      | D22QTDN01 |
| 2  | Phạm Ngọc       | Anh   | Nữ        | 14/11/2004 | Nam Định    | 2.82  | Khá      | D22QTDN01 |
| 3  | Trần Văn        | Anh   | Nữ        | 10/12/2004 | Quảng Ninh  | 3.21  | Giỏi     | D22QTDN01 |
| 4  | Vương Hoàng     | Anh   | Nam       | 27/01/2004 | Vĩnh Phúc   | 3.11  | Khá      | D22QTDN01 |
| 5  | Bùi Thị Ngọc    | Ánh   | Nữ        | 30/04/2004 | Nam Định    | 3.09  | Khá      | D22QTDN01 |
| 6  | Phạm Ngọc       | Ánh   | Nữ        | 10/09/2004 | Hải Phòng   | 2.81  | Khá      | D22QTDN01 |
| 7  | Nguyễn Thùy     | Dung  | Nữ        | 27/08/2004 | Bắc Ninh    | 3.10  | Khá      | D22QTDN01 |
| 8  | Nguyễn Thị Mỹ   | Duyên | Nữ        | 09/09/2004 | Thanh Hóa   | 2.51  | Khá      | D22QTDN01 |
| 9  | Trần Thị Mỹ     | Duyên | Nữ        | 05/08/2004 | Ninh Bình   | 3.72  | Xuất sắc | D22QTDN01 |
| 10 | Bùi Văn         | Dương | Nam       | 01/08/2004 | Hưng Yên    | 3.05  | Khá      | D22QTDN01 |
| 11 | Nguyễn Thị Thuỳ | Dương | Nữ        | 22/08/2004 | Hải Dương   | 3.67  | Xuất sắc | D22QTDN01 |
| 12 | Nguyễn Thị Thùy | Dương | Nữ        | 26/08/2004 | Hà Tây      | 3.28  | Giỏi     | D22QTDN01 |
| 13 | Phạm Hải        | Đăng  | Nam       | 04/09/2004 | Hà Nội      | 3.26  | Giỏi     | D22QTDN01 |
| 14 | Phạm Hương      | Giang | Nữ        | 14/05/2004 | Hà Tây      | 3.54  | Giỏi     | D22QTDN01 |
| 15 | Đinh Thu        | Hà    | Nữ        | 07/10/2004 | Nam Định    | 3.21  | Giỏi     | D22QTDN01 |
| 16 | Khuất Vân       | Hà    | Nữ        | 05/02/2004 | Phú Thọ     | 2.83  | Khá      | D22QTDN01 |
| 17 | Lê Minh         | Hạnh  | Nữ        | 03/06/2004 | Hà Nội      | 2.83  | Khá      | D22QTDN01 |
| 18 | Mạc Thị Thúy    | Hằng  | Nữ        | 31/12/2004 | Hải Dương   | 3.32  | Giỏi     | D22QTDN01 |
| 19 | Phùng Thị Thúy  | Hằng  | Nữ        | 03/01/2004 | Vĩnh Phúc   | 3.20  | Giỏi     | D22QTDN01 |
| 20 | Trần Thị        | Hiên  | Nữ        | 28/08/2004 | Tuyên Quang | 3.20  | Giỏi     | D22QTDN01 |
| 21 | Hoàng Thị       | Hiên  | Nữ        | 08/12/2004 | Bắc Giang   | 2.51  | Khá      | D22QTDN01 |
| 22 | Lê Trọng        | Hiển  | Nam       | 13/08/2004 | Hà Tây      | 2.73  | Khá      | D22QTDN01 |
| 23 | Đinh Thanh      | Hoa   | Nữ        | 02/02/2004 | Hưng Yên    | 2.86  | Khá      | D22QTDN01 |
| 24 | Hồ Thị Thanh    | Hoa   | Nữ        | 23/01/2004 | Nghệ An     | 3.04  | Khá      | D22QTDN01 |
| 25 | Phạm Văn        | Hoàng | Nam       | 28/01/2004 | Nam Định    | 2.69  | Khá      | D22QTDN01 |
| 26 | Lê Quang        | Huấn  | Nam       | 29/09/2004 | Hà Nội      | 3.10  | Khá      | D22QTDN01 |
| 27 | Đào Khánh       | Huyền | Nữ        | 01/02/2004 | Bắc Giang   | 3.50  | Giỏi     | D22QTDN01 |
| 28 | Trần Hương      | Huyền | Nữ        | 04/11/2004 | Vĩnh Phúc   | 2.96  | Khá      | D22QTDN01 |
| 29 | Trần Thu        | Huyền | Nữ        | 27/01/2004 | Lào Cai     | 3.21  | Giỏi     | D22QTDN01 |
| 30 | Vũ Minh         | Huyền | Nữ        | 03/01/2004 | Hải Phòng   | 3.22  | Giỏi     | D22QTDN01 |

| TT | Họ và tên        |       | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh   | ĐTB  | Xếp loại | Ghi chú   |
|----|------------------|-------|-----------|------------|------------|------|----------|-----------|
| 31 | Nguyễn Duy       | Hưng  | Nam       | 22/01/2004 | Hà Nội     | 2.78 | Khá      | D22QTDN01 |
| 32 | Lê Thúy          | Hường | Nữ        | 04/10/2004 | Thanh Hóa  | 3.26 | Giỏi     | D22QTDN01 |
| 33 | Nguyễn Thu       | Hường | Nữ        | 03/07/2004 | Nam Định   | 2.82 | Khá      | D22QTDN01 |
| 34 | Nguyễn Thị Ngọc  | Lan   | Nữ        | 07/04/2004 | Hà Nam     | 3.24 | Giỏi     | D22QTDN01 |
| 35 | Phạm Thị Diệu    | Lan   | Nữ        | 27/05/2004 | Yên Bái    | 3.72 | Xuất sắc | D22QTDN01 |
| 36 | Lê Thị           | Linh  | Nữ        | 24/02/2004 | Hưng Yên   | 3.47 | Giỏi     | D22QTDN01 |
| 37 | Nguyễn Thị Khánh | Linh  | Nữ        | 07/04/2004 | Nghệ An    | 3.45 | Giỏi     | D22QTDN01 |
| 38 | Trần Phương      | Linh  | Nữ        | 01/08/2004 | Hà Tây     | 2.99 | Khá      | D22QTDN01 |
| 39 | Lê Thị Hương     | Mai   | Nữ        | 01/04/2003 | Thanh Hóa  | 3.12 | Khá      | D22QTDN01 |
| 40 | Trần Ánh         | Ngọc  | Nữ        | 25/10/2004 | Hà Nội     | 2.70 | Khá      | D22QTDN01 |
| 41 | Phạm Chí         | Phi   | Nam       | 11/07/2004 | Hải Phòng  | 2.62 | Khá      | D22QTDN01 |
| 42 | Lê Thị Thúy      | Quỳnh | Nữ        | 25/05/2004 | Thanh Hóa  | 3.07 | Khá      | D22QTDN01 |
| 43 | Nguyễn Phương    | Thảo  | Nữ        | 28/03/2003 | Hoà Bình   | 2.77 | Khá      | D22QTDN01 |
| 44 | Vũ Hoàng         | Thuận | Nam       | 21/02/2003 | Thanh Hóa  | 2.53 | Khá      | D22QTDN01 |
| 45 | Nguyễn Thị Thanh | Thúy  | Nữ        | 17/07/2004 | Hà Tây     | 3.42 | Giỏi     | D22QTDN01 |
| 46 | Nguyễn Thị Cẩm   | Xuyên | Nữ        | 21/08/2004 | Nghệ An    | 3.07 | Khá      | D22QTDN01 |
| 47 | Đinh Thị Phương  | Anh   | Nữ        | 17/06/2004 | Ninh Bình  | 3.60 | Xuất sắc | D22QTDN02 |
| 48 | Nguyễn Hà Đức    | Anh   | Nam       | 20/05/2004 | Yên Bái    | 2.99 | Khá      | D22QTDN02 |
| 49 | Trương Thị Diệu  | Anh   | Nữ        | 26/04/2004 | Bắc Ninh   | 3.23 | Giỏi     | D22QTDN02 |
| 50 | Triệu Thị Ngọc   | Diệp  | Nữ        | 28/06/2004 | Phú Thọ    | 3.15 | Khá      | D22QTDN02 |
| 51 | Hoàng Thị Mỹ     | Duyên | Nữ        | 20/08/2004 | Bắc Giang  | 2.97 | Khá      | D22QTDN02 |
| 52 | Nguyễn Thành     | Đạt   | Nam       | 26/04/2004 | Hà Nội     | 2.76 | Khá      | D22QTDN02 |
| 53 | Dương Thị Thu    | Hà    | Nữ        | 14/12/2004 | Bắc Ninh   | 3.45 | Giỏi     | D22QTDN02 |
| 54 | Nguyễn Thị       | Hà    | Nữ        | 19/12/2003 | Thanh Hóa  | 3.49 | Giỏi     | D22QTDN02 |
| 55 | Nguyễn Thị       | Hạnh  | Nữ        | 09/03/2004 | Hà Tây     | 3.54 | Giỏi     | D22QTDN02 |
| 56 | Nguyễn Thị Thanh | Hằng  | Nữ        | 06/01/2004 | Hà Tây     | 2.96 | Khá      | D22QTDN02 |
| 57 | Nguyễn Thị Thu   | Hiền  | Nữ        | 02/05/2004 | Nam Định   | 2.98 | Khá      | D22QTDN02 |
| 58 | Phạm Trung       | Hiếu  | Nam       | 20/09/2004 | Hà Tây     | 2.66 | Khá      | D22QTDN02 |
| 59 | Đặng Thị Yến     | Hoa   | Nữ        | 18/07/2004 | Phú Thọ    | 2.82 | Khá      | D22QTDN02 |
| 60 | Nguyễn Hữu       | Hòa   | Nam       | 13/03/2003 | Nghệ An    | 3.34 | Giỏi     | D22QTDN02 |
| 61 | Nguyễn Thị       | Hồng  | Nữ        | 02/06/2004 | Hà Tây     | 3.29 | Giỏi     | D22QTDN02 |
| 62 | Đinh Thị Diệu    | Huyền | Nữ        | 22/08/2004 | Ninh Bình  | 3.06 | Khá      | D22QTDN02 |
| 63 | Trần Huy         | Khôi  | Nam       | 25/02/2004 | Quảng Ninh | 2.64 | Khá      | D22QTDN02 |
| 64 | Chu Thị Thùy     | Linh  | Nữ        | 15/04/2004 | Hà Tây     | 3.21 | Giỏi     | D22QTDN02 |
| 65 | Hoàng Ngô Ngọc   | Linh  | Nữ        | 02/11/2004 | Đồng Nai   | 2.89 | Khá      | D22QTDN02 |
| 66 | Lê Thùy          | Linh  | Nữ        | 02/07/2004 | Hà Tây     | 3.32 | Giỏi     | D22QTDN02 |
| 67 | Mạc Trần Thảo    | Linh  | Nữ        | 10/10/2004 | Hải Dương  | 3.04 | Khá      | D22QTDN02 |
| 68 | Nguyễn Duy Thảo  | Linh  | Nữ        | 29/07/2004 | Phú Thọ    | 3.25 | Giỏi     | D22QTDN02 |

| TT  | Họ và tên         |        | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh  | ĐTB  | Xếp loại | Ghi chú   |
|-----|-------------------|--------|-----------|------------|-----------|------|----------|-----------|
| 69  | Nguyễn Nhật       | Linh   | Nữ        | 09/12/2003 | Hà Nội    | 3.02 | Khá      | D22QTDN02 |
| 70  | Nguyễn Thị Nhật   | Linh   | Nữ        | 13/03/2004 | Hà Tây    | 3.24 | Giỏi     | D22QTDN02 |
| 71  | Trần Thị          | Linh   | Nữ        | 08/03/2004 | Hung Yên  | 3.53 | Giỏi     | D22QTDN02 |
| 72  | Vũ Thị Ngọc       | Linh   | Nữ        | 07/08/2004 | Hà Nội    | 3.47 | Giỏi     | D22QTDN02 |
| 73  | Bùi Thị Kim       | Loan   | Nữ        | 02/03/2004 | Hung Yên  | 3.01 | Khá      | D22QTDN02 |
| 74  | Lê Thị            | Luyện  | Nữ        | 11/10/2004 | Bắc Ninh  | 3.04 | Khá      | D22QTDN02 |
| 75  | Nguyễn Xuân       | Mạnh   | Nam       | 13/10/2004 | Hà Nội    | 2.93 | Khá      | D22QTDN02 |
| 76  | Đỗ Thị            | Mây    | Nữ        | 17/04/2004 | Bắc Giang | 2.73 | Khá      | D22QTDN02 |
| 77  | Nguyễn Tuấn       | Minh   | Nam       | 27/06/2004 | Hà Nội    | 2.88 | Khá      | D22QTDN02 |
| 78  | Lưu Thị Tuyết     | Nga    | Nữ        | 09/03/2004 | Hà Nội    | 2.93 | Khá      | D22QTDN02 |
| 79  | Trần Tiểu         | Ngọc   | Nữ        | 12/03/2004 | Vĩnh Phúc | 2.77 | Khá      | D22QTDN02 |
| 80  | Nguyễn Hữu        | Nhân   | Nam       | 30/06/2004 | Thái Bình | 2.65 | Khá      | D22QTDN02 |
| 81  | Nguyễn Nguyễn Yến | Nhi    | Nữ        | 15/05/2004 | Hà Tây    | 2.66 | Khá      | D22QTDN02 |
| 82  | Lê Thị Hồng       | Nhung  | Nữ        | 10/06/2004 | Nam Định  | 3.13 | Khá      | D22QTDN02 |
| 83  | Trần Mỹ           | Oanh   | Nữ        | 30/06/2004 | Hà Tây    | 2.80 | Khá      | D22QTDN02 |
| 84  | Nguyễn Thu        | Phương | Nữ        | 13/08/2004 | Hải Phòng | 3.03 | Khá      | D22QTDN02 |
| 85  | Vũ Quỳnh          | Phương | Nữ        | 01/08/2003 | Hà Tây    | 2.78 | Khá      | D22QTDN02 |
| 86  | Đặng Thị Bích     | Phượng | Nữ        | 01/10/2004 | Nam Định  | 3.25 | Giỏi     | D22QTDN02 |
| 87  | Nguyễn Thị Diễm   | Quỳnh  | Nữ        | 11/07/2003 | Hà Tây    | 2.74 | Khá      | D22QTDN02 |
| 88  | Nguyễn Danh       | Thái   | Nam       | 16/02/2004 | Vĩnh Phúc | 2.66 | Khá      | D22QTDN02 |
| 89  | Tạ Đình           | Thành  | Nam       | 18/06/2004 | Nam Định  | 3.22 | Giỏi     | D22QTDN02 |
| 90  | Lê Thu            | Thảo   | Nữ        | 15/01/2004 | Hà Tây    | 2.81 | Khá      | D22QTDN02 |
| 91  | Nguyễn Phương     | Thảo   | Nữ        | 22/10/2004 | Lai Châu  | 3.43 | Giỏi     | D22QTDN02 |
| 92  | Nguyễn Phương     | Thảo   | Nữ        | 21/12/2004 | Bắc Ninh  | 2.76 | Khá      | D22QTDN02 |
| 93  | Lê Thị            | Trang  | Nữ        | 22/04/2004 | Hà Tây    | 3.46 | Giỏi     | D22QTDN02 |
| 94  | Nguyễn Thu        | Trang  | Nữ        | 22/04/2004 | Đắk Nông  | 2.99 | Khá      | D22QTDN02 |
| 95  | Trần Thị Thu      | Trang  | Nữ        | 21/12/2004 | Nam Định  | 3.40 | Giỏi     | D22QTDN02 |
| 96  | Nguyễn Văn        | Tuấn   | Nam       | 14/07/2004 | Bắc Giang | 2.72 | Khá      | D22QTDN02 |
| 97  | Hứa Hà            | Vy     | Nữ        | 18/01/2004 | Hà Nội    | 2.65 | Khá      | D22QTDN02 |
| 98  | Trần Khánh        | Vy     | Nữ        | 26/05/2004 | Hà Tây    | 3.03 | Khá      | D22QTDN02 |
| 99  | Phạm Văn          | Xuân   | Nam       | 08/10/2004 | Thanh Hóa | 2.58 | Khá      | D22QTDN02 |
| 100 | Dương Thị Lan     | Anh    | Nữ        | 26/05/2004 | Thanh Hóa | 3.21 | Giỏi     | D22QTLG   |
| 101 | Lâm Thị Vân       | Anh    | Nữ        | 20/09/2004 | Nam Định  | 2.77 | Khá      | D22QTLG   |
| 102 | Nguyễn Thái       | Bảo    | Nam       | 19/12/2004 | Thái Bình | 2.92 | Khá      | D22QTLG   |
| 103 | Đặng Thị Yến      | Chi    | Nữ        | 25/08/2003 | Nam Định  | 3.37 | Giỏi     | D22QTLG   |
| 104 | Nguyễn Thị        | Duyên  | Nữ        | 21/02/2004 | Bắc Ninh  | 3.10 | Khá      | D22QTLG   |
| 105 | Phạm Ngọc         | Hà     | Nữ        | 21/11/2004 | Hung Yên  | 3.20 | Giỏi     | D22QTLG   |
| 106 | Nguyễn Lê Ngọc    | Hân    | Nữ        | 01/03/2004 | Thanh Hóa | 3.38 | Giỏi     | D22QTLG   |

| TT  | Họ và tên        |       | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh    | ĐTB  | Xếp loại | Ghi chú |
|-----|------------------|-------|-----------|------------|-------------|------|----------|---------|
| 107 | Phùng Thị Thu    | Hiền  | Nữ        | 30/01/2004 | Vĩnh Phúc   | 3.28 | Giỏi     | D22QTLG |
| 108 | Vũ Anh           | Hiếu  | Nam       | 16/11/2004 | Hải Phòng   | 3.43 | Giỏi     | D22QTLG |
| 109 | Nguyễn Việt      | Hùng  | Nam       | 21/06/2004 | Hà Tây      | 3.06 | Khá      | D22QTLG |
| 110 | Vũ Đức           | Huy   | Nam       | 23/04/2004 | Thanh Hóa   | 2.72 | Khá      | D22QTLG |
| 111 | Đỗ Mai           | Hương | Nữ        | 18/01/2004 | Hà Tây      | 3.15 | Khá      | D22QTLG |
| 112 | Kiều Lan         | Hương | Nữ        | 21/07/2004 | Hà Tây      | 3.05 | Khá      | D22QTLG |
| 113 | Phạm Mai         | Hương | Nữ        | 16/02/2004 | Hà Nội      | 3.21 | Giỏi     | D22QTLG |
| 114 | Lâm Thị          | Loan  | Nữ        | 10/06/2004 | Nam Định    | 3.10 | Khá      | D22QTLG |
| 115 | Nguyễn Thành     | Long  | Nam       | 23/05/2004 | Hà Nội      | 2.59 | Khá      | D22QTLG |
| 116 | Nghiêm Duy       | Minh  | Nam       | 01/08/2003 | Hà Nội      | 3.23 | Giỏi     | D22QTLG |
| 117 | Nguyễn Thị Quỳnh | Nga   | Nữ        | 06/05/2004 | Hà Nam      | 3.33 | Giỏi     | D22QTLG |
| 118 | Nguyễn Thị Thanh | Nhàn  | Nữ        | 20/11/2004 | Bắc Ninh    | 3.28 | Giỏi     | D22QTLG |
| 119 | Nguyễn Thị Yến   | Nhi   | Nữ        | 16/05/2004 | Hà Tây      | 3.23 | Giỏi     | D22QTLG |
| 120 | Bùi Thị          | Nhung | Nữ        | 10/01/2004 | Thanh Hóa   | 3.23 | Giỏi     | D22QTLG |
| 121 | Tạ Thị Kim       | Oanh  | Nữ        | 26/10/2004 | Bắc Giang   | 3.10 | Khá      | D22QTLG |
| 122 | Hồ Thị Diễm      | Quỳnh | Nữ        | 09/07/2004 | Nghệ An     | 2.98 | Khá      | D22QTLG |
| 123 | Lê Thị Thanh     | Thu   | Nữ        | 01/10/2004 | Hung Yên    | 2.75 | Khá      | D22QTLG |
| 124 | Nguyễn Thu       | Thủy  | Nữ        | 31/05/2004 | Nam Định    | 3.08 | Khá      | D22QTLG |
| 125 | Hoàng Thị        | Trang | Nữ        | 30/09/2004 | Hà Tây      | 3.01 | Khá      | D22QTLG |
| 126 | Nguyễn Thị       | Trang | Nữ        | 13/09/2004 | Bắc Giang   | 3.31 | Giỏi     | D22QTLG |
| 127 | Nguyễn Thị Thanh | Trang | Nữ        | 02/01/2004 | Thái Bình   | 3.25 | Giỏi     | D22QTLG |
| 128 | Tổng Thị Thùy    | Trang | Nữ        | 13/03/2004 | Ninh Bình   | 2.75 | Khá      | D22QTLG |
| 129 | Phạm Minh        | Tú    | Nữ        | 28/06/2004 | Thái Bình   | 2.56 | Khá      | D22QTLG |
| 130 | Trần Thị         | Tuyến | Nữ        | 27/02/2004 | Phú Thọ     | 2.60 | Khá      | D22QTLG |
| 131 | Vũ Thị Ánh       | Tuyết | Nữ        | 05/06/2004 | Hà Tây      | 3.48 | Giỏi     | D22QTLG |
| 132 | Lương Thị        | Vân   | Nữ        | 30/06/2004 | Hải Phòng   | 3.14 | Khá      | D22QTLG |
| 133 | Nguyễn Thị Thanh | Vân   | Nữ        | 20/08/2004 | Quảng Ninh  | 2.81 | Khá      | D22QTLG |
| 134 | Hồ Hải           | Yến   | Nữ        | 15/07/2004 | Hồ Chí Minh | 3.04 | Khá      | D22QTLG |
| 135 | Nguyễn Thị Hải   | Yến   | Nữ        | 02/07/2004 | Hà Tây      | 3.65 | Xuất sắc | D22QTLG |

**Danh sách gồm 135 sinh viên.**

Trong đó:

- Xuất sắc: 5 sinh viên

- Giỏi: 48 sinh viên

- Khá: 82 sinh viên

- Trung bình: 0 sinh viên

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**PGS.TS Trần Quang Anh**

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-HV ngày tháng năm 2026 của Giám đốc Học viện)

Khóa: 2022  
Hệ đào tạo: Đại học chính quy  
Hình thức đào tạo: Chính quy  
Đơn vị đào tạo: Cơ sở đào tạo Hà Nội  
Ngành đào tạo: Marketing

| TT | Họ và tên          |        | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh  | ĐTBCT | Xếp loại | Ghi chú  |
|----|--------------------|--------|-----------|------------|-----------|-------|----------|----------|
| 1  | Đặng Thị Ngọc      | Anh    | Nữ        | 24/08/2004 | Thái Bình | 3.11  | Khá      | D22IMR01 |
| 2  | Đinh Thị Phương    | Anh    | Nữ        | 15/09/2004 | Ninh Bình | 3.18  | Khá      | D22IMR01 |
| 3  | Nguyễn Hồng        | Anh    | Nam       | 20/01/2004 | Hoà Bình  | 2.76  | Khá      | D22IMR01 |
| 4  | Trần Tuấn          | Anh    | Nam       | 03/03/2004 | Thái Bình | 2.86  | Khá      | D22IMR01 |
| 5  | Đỗ Quốc            | Bảo    | Nam       | 18/06/2004 | Hưng Yên  | 3.48  | Giỏi     | D22IMR01 |
| 6  | Nguyễn Thị Việt    | Chinh  | Nữ        | 27/02/2004 | Hà Tây    | 3.31  | Giỏi     | D22IMR01 |
| 7  | Nông Quang         | Cường  | Nam       | 11/11/2004 | Phú Thọ   | 2.94  | Khá      | D22IMR01 |
| 8  | Trần Huyền         | Diệu   | Nữ        | 13/03/2004 | Nam Định  | 3.30  | Giỏi     | D22IMR01 |
| 9  | Nguyễn Hữu         | Dương  | Nam       | 15/01/2004 | Hà Nội    | 3.04  | Khá      | D22IMR01 |
| 10 | Hoàng Ngọc         | Đạt    | Nam       | 14/07/2004 | Thanh Hóa | 3.29  | Giỏi     | D22IMR01 |
| 11 | Nguyễn Thị Ninh    | Giang  | Nữ        | 23/11/2004 | Thái Bình | 3.15  | Khá      | D22IMR01 |
| 12 | Nguyễn Văn         | Giang  | Nam       | 07/07/2004 | Nghệ An   | 2.91  | Khá      | D22IMR01 |
| 13 | Đoàn Thị Mỹ        | Hà     | Nữ        | 19/04/2004 | Nghệ An   | 2.92  | Khá      | D22IMR01 |
| 14 | Nguyễn Thị         | Hà     | Nữ        | 20/07/2004 | Nam Định  | 3.48  | Giỏi     | D22IMR01 |
| 15 | Nguyễn Vũ          | Hải    | Nam       | 31/10/2004 | Hoà Bình  | 3.17  | Khá      | D22IMR01 |
| 16 | Nguyễn Thị Mỹ      | Hằng   | Nữ        | 03/12/2004 | Nghệ An   | 3.35  | Giỏi     | D22IMR01 |
| 17 | Nguyễn Thị         | Hân    | Nữ        | 24/07/2004 | Hà Tây    | 3.34  | Giỏi     | D22IMR01 |
| 18 | Nguyễn Huy         | Hoàng  | Nam       | 28/07/2004 | Thái Bình | 2.75  | Khá      | D22IMR01 |
| 19 | Phí Quang          | Huy    | Nam       | 27/03/2004 | Vĩnh Phúc | 3.12  | Khá      | D22IMR01 |
| 20 | Nguyễn Thị         | Hương  | Nữ        | 21/08/2003 | Hà Tĩnh   | 3.23  | Giỏi     | D22IMR01 |
| 21 | Lương Thị Bảo      | Khánh  | Nữ        | 15/09/2004 | Cao Bằng  | 2.89  | Khá      | D22IMR01 |
| 22 | Lê Thị Khánh       | Linh   | Nữ        | 11/04/2004 | Bắc Ninh  | 3.29  | Giỏi     | D22IMR01 |
| 23 | Nguyễn Diệu        | Linh   | Nữ        | 25/04/2004 | Nam Định  | 3.05  | Khá      | D22IMR01 |
| 24 | Nguyễn Thị Hiền    | Linh   | Nữ        | 28/03/2004 | Bắc Giang | 3.37  | Giỏi     | D22IMR01 |
| 25 | Trịnh Thị Khánh    | Linh   | Nữ        | 11/08/2004 | Thanh Hóa | 3.06  | Khá      | D22IMR01 |
| 26 | Đỗ Thị Bích        | Loan   | Nữ        | 28/09/2004 | Thái Bình | 3.29  | Giỏi     | D22IMR01 |
| 27 | Chu Đức            | Lưu    | Nam       | 13/08/2004 | Nam Định  | 2.60  | Khá      | D22IMR01 |
| 28 | Nguyễn Bạch Phương | Ly     | Nữ        | 29/09/2004 | Hà Nội    | 3.34  | Giỏi     | D22IMR01 |
| 29 | Phạm Thị Quỳnh     | Mai    | Nữ        | 12/04/2004 | Hải Dương | 3.26  | Giỏi     | D22IMR01 |
| 30 | Nguyễn Thảo        | Nguyễn | Nữ        | 12/03/2004 | Thái Bình | 3.08  | Khá      | D22IMR01 |

| TT | Họ và tên        |        | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh    | ĐTB  | Xếp loại | Ghi chú  |
|----|------------------|--------|-----------|------------|-------------|------|----------|----------|
| 31 | Tạ Thị Quỳnh     | Như    | Nữ        | 09/09/2004 | Thái Bình   | 3.36 | Giỏi     | D22IMR01 |
| 32 | Nguyễn Thị Thanh | Phương | Nữ        | 07/12/2004 | Hải Phòng   | 3.09 | Khá      | D22IMR01 |
| 33 | Trương Văn       | Quốc   | Nam       | 31/08/2004 | Bắc Ninh    | 2.62 | Khá      | D22IMR01 |
| 34 | Đặng Trúc        | Quỳnh  | Nữ        | 28/12/2004 | Lào Cai     | 3.29 | Giỏi     | D22IMR01 |
| 35 | Nguyễn Thị Diễm  | Quỳnh  | Nữ        | 08/08/2004 | Vĩnh Phúc   | 3.28 | Giỏi     | D22IMR01 |
| 36 | Phạm Ngọc        | Sơn    | Nam       | 20/02/2004 | Nam Định    | 2.98 | Khá      | D22IMR01 |
| 37 | Lưu Thị          | Thanh  | Nữ        | 10/05/2004 | Nam Định    | 3.48 | Giỏi     | D22IMR01 |
| 38 | Vương Thị        | Thảo   | Nữ        | 20/09/2004 | Tuyên Quang | 3.06 | Khá      | D22IMR01 |
| 39 | Trần Thị Phương  | Thúy   | Nữ        | 21/07/2004 | Hà Nội      | 3.52 | Giỏi     | D22IMR01 |
| 40 | Nông Thị         | Thương | Nữ        | 19/05/2004 | Bắc Giang   | 3.33 | Giỏi     | D22IMR01 |
| 41 | Mai Thị Thu      | Trang  | Nữ        | 08/12/2004 | Nam Định    | 2.97 | Khá      | D22IMR01 |
| 42 | Phạm Công        | Tráng  | Nam       | 29/08/2004 | Nam Định    | 3.00 | Khá      | D22IMR01 |
| 43 | Vương Thị Ngọc   | Tú     | Nữ        | 22/12/2004 | Hà Nội      | 3.04 | Khá      | D22IMR01 |
| 44 | Mai Anh          | Tuấn   | Nam       | 28/09/2004 | Ninh Bình   | 3.20 | Giỏi     | D22IMR01 |
| 45 | Nguyễn Đức       | Việt   | Nam       | 03/09/2003 | Thanh Hóa   | 2.57 | Khá      | D22IMR01 |
| 46 | Lương Ngọc       | Anh    | Nữ        | 28/12/2004 | Hà Nội      | 2.95 | Khá      | D22IMR02 |
| 47 | Lương Thị Phương | Anh    | Nữ        | 31/08/2004 | Bắc Ninh    | 3.01 | Khá      | D22IMR02 |
| 48 | Phạm Văn         | Anh    | Nữ        | 14/10/2004 | Hưng Yên    | 3.05 | Khá      | D22IMR02 |
| 49 | Trịnh Trần Văn   | Anh    | Nữ        | 25/01/2004 | Nam Định    | 3.57 | Giỏi     | D22IMR02 |
| 50 | Nghiêm Thị Ngọc  | Ánh    | Nữ        | 12/11/2004 | Hà Tây      | 2.88 | Khá      | D22IMR02 |
| 51 | Phạm Ngọc        | Bảo    | Nam       | 08/09/2004 | Nam Định    | 2.58 | Khá      | D22IMR02 |
| 52 | Đào Thị Ngọc     | Bích   | Nữ        | 07/02/2004 | Thái Bình   | 3.33 | Giỏi     | D22IMR02 |
| 53 | Phùng Hà         | Châu   | Nữ        | 23/07/2004 | Hà Tây      | 3.23 | Giỏi     | D22IMR02 |
| 54 | Trần Đình        | Dân    | Nam       | 21/09/2004 | Bắc Ninh    | 2.97 | Khá      | D22IMR02 |
| 55 | Trần Thành       | Doanh  | Nam       | 20/12/2004 | Hưng Yên    | 2.73 | Khá      | D22IMR02 |
| 56 | Nguyễn Bá Mạnh   | Dũng   | Nam       | 27/02/2004 | Hải Dương   | 2.86 | Khá      | D22IMR02 |
| 57 | Nguyễn Thị Bạch  | Dương  | Nữ        | 26/01/2004 | Hà Nội      | 3.01 | Khá      | D22IMR02 |
| 58 | Lê Xuân          | Đại    | Nam       | 25/04/2004 | Hồ Chí Minh | 3.21 | Giỏi     | D22IMR02 |
| 59 | Nguyễn Minh      | Đạt    | Nam       | 13/02/2004 | Hưng Yên    | 2.67 | Khá      | D22IMR02 |
| 60 | Phạm Ngọc        | Hải    | Nam       | 24/05/2003 | Nam Định    | 3.20 | Giỏi     | D22IMR02 |
| 61 | Nguyễn Thúy      | Hằng   | Nữ        | 30/12/2004 | Vĩnh Phúc   | 3.28 | Giỏi     | D22IMR02 |
| 62 | Khuất Mai        | Hiền   | Nữ        | 01/02/2004 | Hà Tây      | 2.69 | Khá      | D22IMR02 |
| 63 | Dương Hồng       | Huê    | Nữ        | 24/12/2004 | Hà Tây      | 3.50 | Giỏi     | D22IMR02 |
| 64 | Trần Đức         | Hùng   | Nam       | 20/10/2004 | Nam Định    | 2.91 | Khá      | D22IMR02 |
| 65 | Nguyễn Khánh     | Huyền  | Nữ        | 15/02/2004 | Thái Nguyên | 3.24 | Giỏi     | D22IMR02 |
| 66 | Hoàng Thị        | Hương  | Nữ        | 30/11/2004 | Bắc Giang   | 3.22 | Giỏi     | D22IMR02 |
| 67 | Lục Thị An       | Khanh  | Nữ        | 04/11/2004 | Hà Nội      | 3.08 | Khá      | D22IMR02 |
| 68 | Phạm Thị Phương  | Lan    | Nữ        | 08/11/2004 | Nam Định    | 3.12 | Khá      | D22IMR02 |

| TT  | Họ và tên        |        | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh      | ĐTB  | Xếp loại | Ghi chú  |
|-----|------------------|--------|-----------|------------|---------------|------|----------|----------|
| 69  | Trần Thị         | Lan    | Nữ        | 30/05/2004 | Thanh Hóa     | 3.15 | Khá      | D22IMR02 |
| 70  | Nguyễn Mai       | Linh   | Nữ        | 29/01/2004 | Hà Nội        | 2.84 | Khá      | D22IMR02 |
| 71  | Nguyễn Thị       | Linh   | Nữ        | 04/05/2004 | Bắc Giang     | 3.36 | Giỏi     | D22IMR02 |
| 72  | Nguyễn Thị       | Nga    | Nữ        | 21/10/2004 | Thái Bình     | 3.43 | Giỏi     | D22IMR02 |
| 73  | Lê Nhật          | Nguyên | Nam       | 18/12/2004 | Thái Bình     | 2.73 | Khá      | D22IMR02 |
| 74  | Bùi Minh         | Nguyệt | Nữ        | 21/12/2003 | Bắc Kạn       | 2.78 | Khá      | D22IMR02 |
| 75  | Hoàng Vũ Thảo    | Nhi    | Nữ        | 06/11/2004 | Phú Thọ       | 3.01 | Khá      | D22IMR02 |
| 76  | Trần Minh        | Phượng | Nữ        | 19/05/2004 | Hà Tây        | 3.18 | Khá      | D22IMR02 |
| 77  | Đinh Thị Cẩm     | Quyên  | Nữ        | 10/03/2004 | Hà Tây        | 3.02 | Khá      | D22IMR02 |
| 78  | Lê Nhất          | Tâm    | Nữ        | 02/05/2004 | Thanh Hóa     | 3.22 | Giỏi     | D22IMR02 |
| 79  | Nguyễn Trọng     | Thái   | Nam       | 28/03/2004 | Phú Thọ       | 2.76 | Khá      | D22IMR02 |
| 80  | Nguyễn Khánh     | Thành  | Nam       | 26/06/2002 | Cộng hòa Séc  | 2.90 | Khá      | D22IMR02 |
| 81  | Phan Thị         | Thu    | Nữ        | 28/11/2004 | Nghệ An       | 3.28 | Giỏi     | D22IMR02 |
| 82  | Hà Mạnh          | Thư    | Nam       | 09/03/2004 | Phú Thọ       | 3.47 | Giỏi     | D22IMR02 |
| 83  | Lê Hà            | Trang  | Nữ        | 01/07/2004 | Hung Yên      | 3.24 | Giỏi     | D22IMR02 |
| 84  | Nguyễn Sỹ        | Truyền | Nam       | 28/02/2004 | Thanh Hóa     | 2.92 | Khá      | D22IMR02 |
| 85  | Bùi Quang        | Vinh   | Nam       | 13/03/2004 | Lào Cai       | 2.98 | Khá      | D22IMR02 |
| 86  | Đỗ Hữu           | Vinh   | Nam       | 11/08/2004 | Hải Phòng     | 2.96 | Khá      | D22IMR02 |
| 87  | Lý Thị           | An     | Nữ        | 05/02/2004 | Tuyên Quang   | 3.07 | Khá      | D22PMR01 |
| 88  | Vũ Thị Thuý      | An     | Nữ        | 24/04/2004 | Nam Định      | 3.14 | Khá      | D22PMR01 |
| 89  | Lê Việt          | Anh    | Nam       | 29/07/2004 | Hải Dương     | 2.77 | Khá      | D22PMR01 |
| 90  | Nguyễn Thị Ngọc  | Anh    | Nữ        | 03/01/2004 | Thái Bình     | 3.28 | Giỏi     | D22PMR01 |
| 91  | Lê Minh          | Đức    | Nam       | 13/05/2004 | Hà Nam        | 2.62 | Khá      | D22PMR01 |
| 92  | Nguyễn Hương     | Giang  | Nữ        | 08/04/2004 | Hà Nội        | 3.74 | Xuất sắc | D22PMR01 |
| 93  | Nguyễn Thị       | Hạnh   | Nữ        | 12/06/2004 | Nghệ An       | 3.73 | Xuất sắc | D22PMR01 |
| 94  | Nguyễn Thị       | Hằng   | Nữ        | 01/09/2004 | Vĩnh Phúc     | 3.35 | Giỏi     | D22PMR01 |
| 95  | Nguyễn Thị Kim   | Huệ    | Nữ        | 26/09/2004 | Ninh Bình     | 3.50 | Giỏi     | D22PMR01 |
| 96  | Nguyễn Thị Thanh | Huyền  | Nữ        | 30/07/2004 | Bắc Giang     | 3.35 | Giỏi     | D22PMR01 |
| 97  | Nguyễn Thị Thanh | Huyền  | Nữ        | 14/12/2004 | Hà Nam        | 3.43 | Giỏi     | D22PMR01 |
| 98  | Nguyễn Lý Tuấn   | Kiệt   | Nam       | 11/01/2004 | Hà Tây        | 3.49 | Giỏi     | D22PMR01 |
| 99  | Hoàng Nhật       | Lệ     | Nữ        | 31/05/2004 | Cao Bằng      | 2.72 | Khá      | D22PMR01 |
| 100 | Hoàng Mai        | Linh   | Nữ        | 14/10/2004 | Hà Nội        | 3.67 | Xuất sắc | D22PMR01 |
| 101 | Nguyễn Thùy      | Linh   | Nữ        | 02/07/2004 | Liên Bang Nga | 3.42 | Giỏi     | D22PMR01 |
| 102 | Triệu Thị Thùy   | Linh   | Nữ        | 10/10/2004 | Cao Bằng      | 3.20 | Giỏi     | D22PMR01 |
| 103 | Hoàng Thị Mai    | Ngân   | Nữ        | 22/11/2004 | Hà Nam        | 2.87 | Khá      | D22PMR01 |
| 104 | Phan Thu         | Ngân   | Nữ        | 28/07/2004 | Lào Cai       | 3.23 | Giỏi     | D22PMR01 |
| 105 | Trần Thị Anh     | Ngọc   | Nữ        | 20/09/2004 | Thái Bình     | 3.55 | Giỏi     | D22PMR01 |
| 106 | Lê Thị Yến       | Nhi    | Nữ        | 27/11/2004 | Bình Thuận    | 2.83 | Khá      | D22PMR01 |

| TT  | Họ và tên         |       | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh    | ĐTB  | Xếp loại   | Ghi chú  |
|-----|-------------------|-------|-----------|------------|-------------|------|------------|----------|
| 107 | Nguyễn Thị Khánh  | Ninh  | Nữ        | 31/10/2004 | Hà Tây      | 3.36 | Giỏi       | D22PMR01 |
| 108 | Nguyễn Thị Xuân   | Quý   | Nữ        | 04/04/2003 | Nghệ An     | 3.27 | Giỏi       | D22PMR01 |
| 109 | Nông Văn          | Quyển | Nam       | 23/02/2003 | Cao Bằng    | 2.95 | Khá        | D22PMR01 |
| 110 | Lê Thái           | Sơn   | Nam       | 18/12/2004 | Nam Định    | 3.26 | Giỏi       | D22PMR01 |
| 111 | Nguyễn Ngọc       | Tâm   | Nữ        | 29/11/2003 | Quảng Ninh  | 3.27 | Giỏi       | D22PMR01 |
| 112 | Nguyễn Thị Phương | Thảo  | Nữ        | 21/05/2004 | Bắc Giang   | 3.25 | Giỏi       | D22PMR01 |
| 113 | Bùi Huy           | Thông | Nam       | 18/05/2004 | Quảng Ninh  | 2.94 | Khá        | D22PMR01 |
| 114 | Nguyễn Thị Vân    | Thư   | Nữ        | 28/09/2004 | Nam Định    | 3.56 | Giỏi       | D22PMR01 |
| 115 | Đỗ Thị Thu        | Trang | Nữ        | 25/12/2004 | Hải Dương   | 3.46 | Giỏi       | D22PMR01 |
| 116 | Nguyễn Thị Huyền  | Trang | Nữ        | 06/08/2004 | Hà Tĩnh     | 3.21 | Giỏi       | D22PMR01 |
| 117 | Đỗ Hữu            | Tùng  | Nam       | 26/03/2004 | Hưng Yên    | 2.79 | Khá        | D22PMR01 |
| 118 | Nguyễn Ngọc       | Vương | Nam       | 09/02/2004 | Thanh Hóa   | 3.41 | Giỏi       | D22PMR01 |
| 119 | Đỗ Thuý           | Vy    | Nữ        | 01/10/2004 | Ninh Bình   | 3.42 | Giỏi       | D22PMR01 |
| 120 | Đỗ Ngọc           | Anh   | Nam       | 13/11/2004 | Hải Phòng   | 2.97 | Khá        | D22PMR02 |
| 121 | Nguyễn Quỳnh      | Anh   | Nữ        | 27/07/2004 | Thái Bình   | 2.98 | Khá        | D22PMR02 |
| 122 | Nguyễn Thị Giang  | Anh   | Nữ        | 06/03/2004 | Thanh Hóa   | 3.48 | Giỏi       | D22PMR02 |
| 123 | Trần Thị Vân      | Anh   | Nữ        | 16/10/2004 | Nam Định    | 3.28 | Giỏi       | D22PMR02 |
| 124 | Nguyễn Văn        | Cường | Nam       | 26/03/2004 | Hà Nội      | 2.25 | Trung bình | D22PMR02 |
| 125 | Hà Thị Kim        | Dung  | Nữ        | 04/11/2004 | Thanh Hóa   | 3.26 | Giỏi       | D22PMR02 |
| 126 | Đào Tiến          | Dương | Nam       | 27/12/2004 | Nam Định    | 2.82 | Khá        | D22PMR02 |
| 127 | Lò Tiến           | Đạt   | Nam       | 15/02/2004 | Sơn La      | 3.21 | Giỏi       | D22PMR02 |
| 128 | Nguyễn Tài Minh   | Đức   | Nam       | 02/01/2004 | Bắc Ninh    | 3.27 | Giỏi       | D22PMR02 |
| 129 | Phạm Thị          | Giang | Nữ        | 15/04/2004 | Nghệ An     | 3.57 | Giỏi       | D22PMR02 |
| 130 | Nguyễn Bùi Ngọc   | Hà    | Nữ        | 25/10/2004 | Hà Nội      | 3.44 | Giỏi       | D22PMR02 |
| 131 | Nguyễn Dương      | Hà    | Nam       | 12/05/2004 | Hà Nội      | 2.67 | Khá        | D22PMR02 |
| 132 | Nguyễn Thu        | Hà    | Nữ        | 07/02/2004 | Thái Nguyên | 3.28 | Giỏi       | D22PMR02 |
| 133 | Trần Văn          | Hậu   | Nam       | 17/12/2004 | Sơn La      | 3.29 | Giỏi       | D22PMR02 |
| 134 | Khuất Thị         | Hoài  | Nữ        | 09/02/2004 | Hà Tây      | 2.92 | Khá        | D22PMR02 |
| 135 | Trần Thị Thu      | Hương | Nữ        | 24/12/2004 | Hưng Yên    | 2.80 | Khá        | D22PMR02 |
| 136 | La Thị Hương      | Lan   | Nữ        | 08/09/2004 | Thanh Hóa   | 2.90 | Khá        | D22PMR02 |
| 137 | Dương Trần Ngọc   | Linh  | Nữ        | 09/11/2004 | Hà Tây      | 3.48 | Giỏi       | D22PMR02 |
| 138 | Trần Hà Hải       | Long  | Nam       | 24/10/2004 | Phú Thọ     | 3.30 | Giỏi       | D22PMR02 |
| 139 | Vũ Khánh          | Ly    | Nữ        | 25/07/2003 | Nghệ An     | 2.84 | Khá        | D22PMR02 |
| 140 | Hà Văn            | Mạnh  | Nam       | 26/02/2004 | Thanh Hóa   | 2.71 | Khá        | D22PMR02 |
| 141 | Nguyễn Thị Hà     | My    | Nữ        | 28/09/2004 | Hà Nội      | 3.26 | Giỏi       | D22PMR02 |
| 142 | Nguyễn Quang      | Nam   | Nam       | 18/04/2004 | Hà Nội      | 3.15 | Khá        | D22PMR02 |
| 143 | Nguyễn Văn        | Nam   | Nam       | 13/01/2004 | Hải Phòng   | 2.85 | Khá        | D22PMR02 |
| 144 | Phạm Thị Thu      | Ngân  | Nữ        | 30/05/2003 | Ninh Bình   | 3.18 | Khá        | D22PMR02 |

| TT  | Họ và tên       |        | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh    | ĐTB  | Xếp loại | Ghi chú  |
|-----|-----------------|--------|-----------|------------|-------------|------|----------|----------|
| 145 | Trần Thị        | Ngoan  | Nữ        | 21/10/2004 | Nam Định    | 3.26 | Giỏi     | D22PMR02 |
| 146 | Nguyễn Thị Hồng | Nhung  | Nữ        | 26/03/2004 | Vĩnh Phúc   | 3.24 | Giỏi     | D22PMR02 |
| 147 | Nguyễn Ngọc     | Như    | Nữ        | 29/09/2004 | Nam Định    | 3.33 | Giỏi     | D22PMR02 |
| 148 | Tạ Văn          | Quân   | Nam       | 05/02/2004 | Tuyên Quang | 3.15 | Khá      | D22PMR02 |
| 149 | Nguyễn Kiến     | Quốc   | Nam       | 19/01/2004 | Bắc Ninh    | 3.15 | Khá      | D22PMR02 |
| 150 | Nghiêm Thị      | Thúy   | Nữ        | 05/05/2004 | Bắc Ninh    | 2.95 | Khá      | D22PMR02 |
| 151 | Nguyễn Thị      | Thúy   | Nữ        | 08/06/2004 | Bắc Ninh    | 3.38 | Giỏi     | D22PMR02 |
| 152 | Hoàng Thị Thanh | Thương | Nữ        | 24/08/2004 | Thanh Hóa   | 2.97 | Khá      | D22PMR02 |
| 153 | Hà Thị Thu      | Trang  | Nữ        | 15/02/2004 | Hà Tây      | 3.24 | Giỏi     | D22PMR02 |
| 154 | Phí Nguyễn Anh  | Tuấn   | Nam       | 05/10/2004 | Khánh Hòa   | 3.61 | Xuất sắc | D22PMR02 |
| 155 | Trần Anh        | Tuấn   | Nam       | 07/05/2003 | Tuyên Quang | 3.46 | Giỏi     | D22PMR02 |
| 156 | Lê Văn          | Tùng   | Nam       | 13/09/2004 | Thanh Hóa   | 2.91 | Khá      | D22PMR02 |
| 157 | Lê Thị Ánh      | Tuyết  | Nữ        | 26/06/2004 | Hà Nam      | 2.95 | Khá      | D22PMR02 |
| 158 | Lê Thị Tổ       | Uyên   | Nữ        | 01/07/2004 | Thái Nguyên | 2.89 | Khá      | D22PMR02 |
| 159 | Nguyễn Khánh    | Vân    | Nữ        | 21/08/2004 | Nghệ An     | 3.43 | Giỏi     | D22PMR02 |
| 160 | Chu Thị Hải     | Yến    | Nữ        | 29/04/2004 | Hung Yên    | 3.35 | Giỏi     | D22PMR02 |

Danh sách gồm 160 sinh viên.

- Trong đó:
- Xuất sắc: 4 sinh viên
  - Giỏi: 75 sinh viên
  - Khá: 80 sinh viên
  - Trung bình: 1 sinh viên

KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

PGS.TS Trần Quang Anh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-HV ngày tháng năm 2026 của Giám đốc Học viện)

Khóa: 2022  
Hệ đào tạo: Đại học chính quy  
Hình thức đào tạo: Chính quy  
Đơn vị đào tạo: Cơ sở đào tạo Hà Nội  
Ngành đào tạo: Thương mại điện tử

| TT | Họ và tên        |        | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh    | ĐTB  | Xếp loại | Ghi chú     |
|----|------------------|--------|-----------|------------|-------------|------|----------|-------------|
| 1  | Nguyễn Thị Thái  | An     | Nữ        | 18/05/2004 | Thái Nguyên | 3.06 | Khá      | D22CQTM01-B |
| 2  | Cao Phước        | Anh    | Nam       | 14/04/2004 | Hà Nội      | 3.05 | Khá      | D22CQTM01-B |
| 3  | Phạm Đình Việt   | Anh    | Nam       | 06/10/2004 | Bình Phước  | 2.92 | Khá      | D22CQTM01-B |
| 4  | Phạm Thị Ngọc    | Ánh    | Nữ        | 21/02/2004 | Nam Định    | 3.26 | Giỏi     | D22CQTM01-B |
| 5  | Đỗ Nguyễn Khánh  | Chi    | Nữ        | 13/11/2004 | Hoà Bình    | 2.89 | Khá      | D22CQTM01-B |
| 6  | Nguyễn Quang     | Chiến  | Nam       | 24/10/2004 | Hà Giang    | 3.62 | Xuất sắc | D22CQTM01-B |
| 7  | Nguyễn Thị       | Diệu   | Nữ        | 07/10/2004 | Thái Bình   | 3.69 | Xuất sắc | D22CQTM01-B |
| 8  | Bé Mỹ            | Duyên  | Nữ        | 09/03/2004 | Lạng Sơn    | 2.69 | Khá      | D22CQTM01-B |
| 9  | Trịnh Thị Ngọc   | Điệp   | Nữ        | 01/08/2004 | Ninh Bình   | 3.56 | Giỏi     | D22CQTM01-B |
| 10 | Trần Thị         | Giang  | Nữ        | 04/12/2004 | Nghệ An     | 3.34 | Giỏi     | D22CQTM01-B |
| 11 | Nguyễn Hồng      | Hạnh   | Nữ        | 24/01/2004 | Hà Nội      | 3.78 | Xuất sắc | D22CQTM01-B |
| 12 | Trần Thanh       | Hằng   | Nữ        | 30/08/2004 | Hà Tây      | 3.09 | Khá      | D22CQTM01-B |
| 13 | Nguyễn Ngọc      | Hiển   | Nam       | 09/04/2004 | Hà Tây      | 3.38 | Giỏi     | D22CQTM01-B |
| 14 | Lý Vũ Trung      | Hiếu   | Nam       | 01/07/2003 | Tuyên Quang | 2.93 | Khá      | D22CQTM01-B |
| 15 | Vũ Thu           | Huyền  | Nữ        | 01/04/2003 | Nam Định    | 3.45 | Giỏi     | D22CQTM01-B |
| 16 | Nguyễn Mạnh      | Hưng   | Nam       | 19/08/2004 | Hà Tây      | 2.93 | Khá      | D22CQTM01-B |
| 17 | Phạm Thị         | Hương  | Nữ        | 08/08/2004 | Bắc Ninh    | 3.43 | Giỏi     | D22CQTM01-B |
| 18 | Vũ Xuân          | Kiên   | Nam       | 29/09/2004 | Vĩnh Phúc   | 2.78 | Khá      | D22CQTM01-B |
| 19 | Nguyễn Ngọc      | Lân    | Nam       | 06/10/2004 | Bắc Ninh    | 3.19 | Khá      | D22CQTM01-B |
| 20 | Chu Thị Diệu     | Linh   | Nữ        | 04/12/2003 | Hà Nam      | 3.42 | Giỏi     | D22CQTM01-B |
| 21 | Hoàng Hà Khánh   | Linh   | Nữ        | 20/04/2004 | Phủ Thọ     | 3.22 | Giỏi     | D22CQTM01-B |
| 22 | Trần Thị Thuý    | Linh   | Nữ        | 30/01/2004 | Thái Bình   | 3.47 | Giỏi     | D22CQTM01-B |
| 23 | Lê Thị Vân       | Ly     | Nữ        | 27/08/2003 | Thanh Hóa   | 3.29 | Giỏi     | D22CQTM01-B |
| 24 | Phương Thị Tuyết | Mai    | Nữ        | 14/03/2004 | Hà Tây      | 3.77 | Xuất sắc | D22CQTM01-B |
| 25 | Nguyễn Thị Trà   | My     | Nữ        | 22/04/2004 | Hung Yên    | 3.10 | Khá      | D22CQTM01-B |
| 26 | Lê Thanh         | Ngọc   | Nữ        | 29/07/2004 | Thanh Hóa   | 3.60 | Xuất sắc | D22CQTM01-B |
| 27 | Đình Hoàng Phúc  | Nguyên | Nam       | 23/01/2004 | Nam Định    | 3.25 | Giỏi     | D22CQTM01-B |
| 28 | Vương Thị Thu    | Nguyên | Nữ        | 15/12/2004 | Hà Nội      | 3.52 | Giỏi     | D22CQTM01-B |
| 29 | Trần Thị         | Nhài   | Nữ        | 21/06/2004 | Hải Dương   | 3.12 | Khá      | D22CQTM01-B |
| 30 | Nguyễn Hồng      | Nhung  | Nữ        | 03/09/2004 | Bắc Ninh    | 2.91 | Khá      | D22CQTM01-B |

| TT | Họ và tên       |        | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh    | ĐTB  | Xếp loại | Ghi chú     |
|----|-----------------|--------|-----------|------------|-------------|------|----------|-------------|
| 31 | Lý Thị Hà       | Phương | Nữ        | 31/03/2004 | Hà Tây      | 3.31 | Giỏi     | D22CQTM01-B |
| 32 | Lê Trần Anh     | Quân   | Nam       | 14/03/2004 | Hà Nội      | 2.77 | Khá      | D22CQTM01-B |
| 33 | Nguyễn Phạm Bảo | Quỳnh  | Nữ        | 11/06/2004 | Nghệ An     | 2.78 | Khá      | D22CQTM01-B |
| 34 | Trần Xuân       | Thành  | Nam       | 08/10/2004 | Hà Tây      | 3.36 | Giỏi     | D22CQTM01-B |
| 35 | Phạm Phương     | Thảo   | Nữ        | 29/01/2004 | Yên Bái     | 3.37 | Giỏi     | D22CQTM01-B |
| 36 | Phạm Trần Thu   | Thảo   | Nữ        | 08/04/2004 | Thái Nguyên | 3.09 | Khá      | D22CQTM01-B |
| 37 | Nguyễn Thị      | Thơm   | Nữ        | 27/10/2003 | Thanh Hóa   | 2.76 | Khá      | D22CQTM01-B |
| 38 | Phạm Xuân       | Thủy   | Nam       | 06/05/2004 | Nam Định    | 3.22 | Giỏi     | D22CQTM01-B |
| 39 | Nguyễn Văn      | Tuấn   | Nam       | 28/11/2004 | Bắc Giang   | 3.17 | Khá      | D22CQTM01-B |
| 40 | Nguyễn Trọng    | Tuyển  | Nam       | 09/12/2004 | Nghệ An     | 3.07 | Khá      | D22CQTM01-B |
| 41 | Trần Thị        | Uyên   | Nữ        | 05/02/2004 | Hà Nam      | 3.47 | Giỏi     | D22CQTM01-B |
| 42 | Đỗ Thị Cẩm      | Vân    | Nữ        | 03/12/2003 | Thanh Hóa   | 3.05 | Khá      | D22CQTM01-B |
| 43 | Lê Hoàng        | Vũ     | Nam       | 20/11/2004 | Hải Phòng   | 3.63 | Xuất sắc | D22CQTM01-B |
| 44 | Hoàng Minh      | Vương  | Nam       | 26/04/2004 | Hà Tây      | 2.87 | Khá      | D22CQTM01-B |
| 45 | Bùi Minh        | Anh    | Nữ        | 25/08/2004 | Thanh Hóa   | 2.95 | Khá      | D22CQTM02-B |
| 46 | Nguyễn Thế      | Anh    | Nam       | 08/03/2004 | Thanh Hóa   | 3.21 | Giỏi     | D22CQTM02-B |
| 47 | Hoàng Thị       | Bình   | Nữ        | 23/01/2004 | Bắc Giang   | 3.23 | Giỏi     | D22CQTM02-B |
| 48 | Nguyễn Thị Kim  | Chi    | Nữ        | 18/01/2004 | Hà Nam      | 3.11 | Khá      | D22CQTM02-B |
| 49 | Hà Đức          | Diệu   | Nam       | 14/04/2004 | Nam Định    | 3.22 | Giỏi     | D22CQTM02-B |
| 50 | Bùi Khánh       | Duy    | Nam       | 11/12/2004 | Hải Phòng   | 2.73 | Khá      | D22CQTM02-B |
| 51 | Trương Thị Mỹ   | Duyên  | Nữ        | 19/02/2004 | Vĩnh Phúc   | 3.06 | Khá      | D22CQTM02-B |
| 52 | Đỗ Tùng         | Dương  | Nam       | 15/12/2004 | Thanh Hóa   | 3.27 | Giỏi     | D22CQTM02-B |
| 53 | Quảng Văn       | Đạt    | Nam       | 28/07/2004 | Vĩnh Phúc   | 3.11 | Khá      | D22CQTM02-B |
| 54 | Nguyễn Thị      | Giang  | Nữ        | 12/08/2004 | Hà Nội      | 2.98 | Khá      | D22CQTM02-B |
| 55 | Nguyễn Thị Thu  | Hằng   | Nữ        | 19/05/2004 | Hà Nội      | 3.39 | Giỏi     | D22CQTM02-B |
| 56 | Nguyễn Thị      | Hiền   | Nữ        | 28/11/2004 | Hà Tây      | 3.66 | Xuất sắc | D22CQTM02-B |
| 57 | Nguyễn Thị      | Huế    | Nữ        | 04/04/2004 | Vĩnh Phúc   | 2.85 | Khá      | D22CQTM02-B |
| 58 | Nguyễn Thị Thu  | Hương  | Nữ        | 17/02/2004 | Ninh Bình   | 2.80 | Khá      | D22CQTM02-B |
| 59 | Đậu Văn         | Khánh  | Nữ        | 29/04/2004 | Nghệ An     | 3.68 | Xuất sắc | D22CQTM02-B |
| 60 | Dương Văn       | Kiên   | Nam       | 13/02/2004 | Bắc Giang   | 3.54 | Giỏi     | D22CQTM02-B |
| 61 | Vũ Thị          | Lan    | Nữ        | 17/06/2004 | Thái Bình   | 2.95 | Khá      | D22CQTM02-B |
| 62 | Bùi Mai         | Linh   | Nữ        | 17/01/2004 | Hải Dương   | 3.21 | Giỏi     | D22CQTM02-B |
| 63 | Nguyễn Khánh    | Linh   | Nữ        | 07/07/2004 | Hà Tây      | 3.70 | Xuất sắc | D22CQTM02-B |
| 64 | Thiều Trúc      | Linh   | Nữ        | 28/11/2004 | Thanh Hóa   | 3.34 | Giỏi     | D22CQTM02-B |
| 65 | Vũ Thị Khánh    | Ly     | Nữ        | 22/09/2004 | Nam Định    | 2.98 | Khá      | D22CQTM02-B |
| 66 | Lưu Thị Tuyết   | Mai    | Nữ        | 26/11/2004 | Hải Dương   | 2.93 | Khá      | D22CQTM02-B |
| 67 | Trương Tuyết    | Mai    | Nữ        | 18/01/2004 | Thái Bình   | 3.38 | Giỏi     | D22CQTM02-B |
| 68 | Phạm Trà        | My     | Nữ        | 12/11/2004 | Hà Tây      | 3.28 | Giỏi     | D22CQTM02-B |

| TT | Họ và tên        |        | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh   | ĐTB  | Xếp loại | Ghi chú     |
|----|------------------|--------|-----------|------------|------------|------|----------|-------------|
| 69 | Phùng Quang      | Nam    | Nam       | 02/02/2004 | Vĩnh Phúc  | 3.41 | Giỏi     | D22CQTM02-B |
| 70 | Nguyễn Bảo       | Ngọc   | Nữ        | 30/12/2004 | Hà Tây     | 3.40 | Giỏi     | D22CQTM02-B |
| 71 | Vũ Thị Thảo      | Nguyên | Nữ        | 29/01/2004 | Nam Định   | 3.13 | Khá      | D22CQTM02-B |
| 72 | Lương Thị Tuyết  | Nhi    | Nữ        | 15/12/2004 | Nam Định   | 2.82 | Khá      | D22CQTM02-B |
| 73 | Nguyễn Phi       | Nhung  | Nữ        | 11/08/2004 | Hà Tây     | 3.56 | Giỏi     | D22CQTM02-B |
| 74 | Nguyễn Minh      | Phong  | Nam       | 29/02/2004 | Hà Nội     | 3.48 | Giỏi     | D22CQTM02-B |
| 75 | Tạ Thu           | Phuong | Nữ        | 08/09/2004 | Quảng Ninh | 3.34 | Giỏi     | D22CQTM02-B |
| 76 | Trần Minh        | Quân   | Nam       | 17/10/2004 | Thái Bình  | 3.02 | Khá      | D22CQTM02-B |
| 77 | Đỗ Thúy          | Quỳnh  | Nữ        | 06/11/2004 | Thái Bình  | 3.08 | Khá      | D22CQTM02-B |
| 78 | Phạm Thị         | Quỳnh  | Nữ        | 04/04/2004 | Hải Dương  | 3.07 | Khá      | D22CQTM02-B |
| 79 | Đặng Thị         | Tâm    | Nữ        | 17/05/2004 | Nghệ An    | 3.21 | Giỏi     | D22CQTM02-B |
| 80 | Đỗ Đức           | Thành  | Nam       | 04/10/2004 | Nam Định   | 3.04 | Khá      | D22CQTM02-B |
| 81 | Đặng Phương      | Thảo   | Nữ        | 11/03/2004 | Hải Dương  | 3.10 | Khá      | D22CQTM02-B |
| 82 | Lê Thị           | Thảo   | Nữ        | 22/10/2004 | Hà Tây     | 2.79 | Khá      | D22CQTM02-B |
| 83 | Phạm Thanh       | Thảo   | Nữ        | 07/04/2004 | Thái Bình  | 3.44 | Giỏi     | D22CQTM02-B |
| 84 | Dương Đình       | Thuần  | Nam       | 17/10/2004 | Hà Nam     | 3.57 | Giỏi     | D22CQTM02-B |
| 85 | Dương Thị        | Thúy   | Nữ        | 22/06/2004 | Thanh Hóa  | 3.28 | Giỏi     | D22CQTM02-B |
| 86 | Phạm Đình        | Trung  | Nam       | 06/04/2004 | Nghệ An    | 3.30 | Giỏi     | D22CQTM02-B |
| 87 | Lê Quang         | Tùng   | Nam       | 02/06/2004 | Bắc Giang  | 2.94 | Khá      | D22CQTM02-B |
| 88 | Trịnh Thị Phương | Uyên   | Nữ        | 06/10/2004 | Nam Định   | 2.92 | Khá      | D22CQTM02-B |
| 89 | Châu Minh        | Vũ     | Nam       | 20/06/2004 | Hà Giang   | 3.12 | Khá      | D22CQTM02-B |
| 90 | Lê Thị           | Xuân   | Nữ        | 14/10/2004 | Thanh Hóa  | 3.35 | Giỏi     | D22CQTM02-B |
| 91 | Vũ Thị           | Yến    | Nữ        | 17/08/2004 | Nam Định   | 2.85 | Khá      | D22CQTM02-B |

**Danh sách gồm 91 sinh viên.**

Trong đó:

- Xuất sắc: 9 sinh viên
- Giỏi: 38 sinh viên
- Khá: 44 sinh viên
- Trung bình: 0 sinh viên

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**PGS.TS Trần Quang Anh**

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-HV ngày tháng năm 2026 của Giám đốc Học viện)

Khóa: 2022  
Hệ đào tạo: Đại học chính quy  
Hình thức đào tạo: Chính quy  
Đơn vị đào tạo: Cơ sở đào tạo Hà Nội  
Ngành đào tạo: Công nghệ tài chính (Fintech)

| TT | Họ và tên         |        | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh   | ĐTBCT | Xếp loại | Ghi chú     |
|----|-------------------|--------|-----------|------------|------------|-------|----------|-------------|
| 1  | Bạch Việt         | Anh    | Nam       | 22/08/2004 | Hà Tây     | 2.76  | Khá      | D22CQTC01-B |
| 2  | Đinh Quang        | Anh    | Nam       | 24/05/2004 | Ninh Bình  | 2.62  | Khá      | D22CQTC01-B |
| 3  | Nguyễn Phúc       | Anh    | Nam       | 04/08/2004 | Hà Nội     | 3.30  | Giỏi     | D22CQTC01-B |
| 4  | Trần Thị Vân      | Anh    | Nữ        | 11/08/2004 | Nam Định   | 3.47  | Giỏi     | D22CQTC01-B |
| 5  | Trịnh Mai         | Anh    | Nữ        | 05/08/2004 | Hà Nội     | 3.27  | Giỏi     | D22CQTC01-B |
| 6  | Nguyễn Thành Minh | Châu   | Nam       | 16/04/2003 | Quảng Ninh | 2.88  | Khá      | D22CQTC01-B |
| 7  | Nguyễn Thị        | Chinh  | Nữ        | 10/10/2004 | Thanh Hóa  | 3.05  | Khá      | D22CQTC01-B |
| 8  | Lê Văn            | Duy    | Nam       | 26/05/2004 | Thanh Hóa  | 3.11  | Khá      | D22CQTC01-B |
| 9  | Lưu Tiến          | Đạt    | Nam       | 18/11/2004 | Nam Định   | 2.98  | Khá      | D22CQTC01-B |
| 10 | Nguyễn Đình       | Đức    | Nam       | 24/01/2004 | Nghệ An    | 2.97  | Khá      | D22CQTC01-B |
| 11 | Nguyễn Diệu       | Hằng   | Nữ        | 30/11/2004 | Hà Tĩnh    | 2.52  | Khá      | D22CQTC01-B |
| 12 | Nguyễn Thị Thu    | Hiền   | Nữ        | 26/07/2004 | Thái Bình  | 3.37  | Giỏi     | D22CQTC01-B |
| 13 | Nguyễn Huy        | Hoàng  | Nam       | 11/01/2004 | Hải Dương  | 3.24  | Giỏi     | D22CQTC01-B |
| 14 | Nguyễn Thị Kim    | Huệ    | Nữ        | 23/09/2004 | Hà Tây     | 3.64  | Xuất sắc | D22CQTC01-B |
| 15 | Nguyễn Đức        | Huy    | Nam       | 14/01/2004 | Hà Tây     | 3.03  | Khá      | D22CQTC01-B |
| 16 | Phan Quang        | Huy    | Nam       | 16/01/2004 | Hà Tây     | 3.09  | Khá      | D22CQTC01-B |
| 17 | Hà Gia            | Khánh  | Nam       | 03/12/2004 | Hà Nội     | 3.23  | Giỏi     | D22CQTC01-B |
| 18 | Lê Diệu           | Linh   | Nữ        | 23/07/2004 | Hưng Yên   | 3.31  | Giỏi     | D22CQTC01-B |
| 19 | Phan Thùy         | Linh   | Nữ        | 29/10/2004 | Ninh Bình  | 3.02  | Khá      | D22CQTC01-B |
| 20 | Phạm Thị          | Ly     | Nữ        | 06/02/2004 | Nghệ An    | 3.29  | Giỏi     | D22CQTC01-B |
| 21 | Nguyễn Văn        | Mạnh   | Nam       | 30/03/2004 | Thái Bình  | 3.26  | Giỏi     | D22CQTC01-B |
| 22 | Đặng Đức          | Minh   | Nam       | 15/11/2004 | Ninh Bình  | 2.81  | Khá      | D22CQTC01-B |
| 23 | Ngô Nguyệt        | Minh   | Nữ        | 04/12/2004 | Hà Nội     | 2.94  | Khá      | D22CQTC01-B |
| 24 | Nguyễn Hải        | Minh   | Nam       | 13/08/2004 | Hải Phòng  | 3.30  | Giỏi     | D22CQTC01-B |
| 25 | Phí Biển          | Ngọc   | Nữ        | 22/03/2004 | Hà Tây     | 3.52  | Giỏi     | D22CQTC01-B |
| 26 | Phạm Minh         | Nguyệt | Nữ        | 25/10/2004 | Nam Định   | 3.25  | Giỏi     | D22CQTC01-B |
| 27 | Vũ Hà             | Phương | Nữ        | 23/08/2004 | Hà Nội     | 3.47  | Giỏi     | D22CQTC01-B |
| 28 | Vũ Anh            | Quân   | Nam       | 14/06/2004 | Hà Nội     | 2.88  | Khá      | D22CQTC01-B |
| 29 | Nguyễn Minh       | Tâm    | Nữ        | 11/03/2004 | Hà Nội     | 3.58  | Giỏi     | D22CQTC01-B |
| 30 | Nguyễn Thiên      | Trang  | Nữ        | 18/08/2004 | Hoà Bình   | 3.24  | Giỏi     | D22CQTC01-B |

| TT | Họ và tên        |        | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh    | ĐTB  | Xếp loại | Ghi chú     |
|----|------------------|--------|-----------|------------|-------------|------|----------|-------------|
| 31 | Trần Nhật        | Trường | Nam       | 02/01/2004 | Hải Phòng   | 2.71 | Khá      | D22CQTC01-B |
| 32 | Phạm Thanh       | Tuấn   | Nam       | 17/12/2004 | Thái Bình   | 2.71 | Khá      | D22CQTC01-B |
| 33 | Vũ Mạnh          | Tuấn   | Nam       | 09/01/2004 | Nam Định    | 3.31 | Giỏi     | D22CQTC01-B |
| 34 | Lê Phương        | Anh    | Nữ        | 26/10/2004 | Thanh Hóa   | 3.39 | Giỏi     | D22CQTC02-B |
| 35 | Trần Văn Tuấn    | Anh    | Nam       | 17/02/2004 | Hà Nội      | 2.98 | Khá      | D22CQTC02-B |
| 36 | Vũ Quỳnh         | Anh    | Nữ        | 25/11/2004 | Thái Nguyên | 2.93 | Khá      | D22CQTC02-B |
| 37 | Trần Thị Linh    | Chi    | Nữ        | 25/06/2004 | Nam Định    | 3.27 | Giỏi     | D22CQTC02-B |
| 38 | Trần Thị Thanh   | Dung   | Nữ        | 03/10/2004 | Vĩnh Phúc   | 3.22 | Giỏi     | D22CQTC02-B |
| 39 | Nguyễn Trung     | Dũng   | Nam       | 20/10/2004 | Hà Nội      | 3.25 | Giỏi     | D22CQTC02-B |
| 40 | Trần Huy         | Dũng   | Nam       | 26/08/2004 | Hà Tây      | 3.29 | Giỏi     | D22CQTC02-B |
| 41 | Hoàng Văn        | Đạt    | Nam       | 16/01/2004 | Thanh Hóa   | 2.94 | Khá      | D22CQTC02-B |
| 42 | Phạm Quang       | Đức    | Nam       | 08/03/2004 | Hải Dương   | 2.80 | Khá      | D22CQTC02-B |
| 43 | Hoàng Nguyên     | Giáp   | Nam       | 06/02/2004 | Thanh Hóa   | 2.92 | Khá      | D22CQTC02-B |
| 44 | Phạm Đăng Thái   | Hà     | Nữ        | 19/02/2004 | Thái Bình   | 3.26 | Giỏi     | D22CQTC02-B |
| 45 | Lương Thanh      | Hậu    | Nữ        | 16/08/2004 | Hà Tây      | 3.29 | Giỏi     | D22CQTC02-B |
| 46 | Trần Quang       | Hiển   | Nam       | 26/08/2004 | Lào Cai     | 2.63 | Khá      | D22CQTC02-B |
| 47 | Trần Duy         | Hiếu   | Nam       | 29/10/2004 | Lào Cai     | 3.12 | Khá      | D22CQTC02-B |
| 48 | Lê Việt          | Hoàng  | Nam       | 13/02/2004 | Hà Nội      | 3.12 | Khá      | D22CQTC02-B |
| 49 | Nguyễn Huy       | Hoàng  | Nam       | 29/10/2004 | Hà Nội      | 3.34 | Giỏi     | D22CQTC02-B |
| 50 | Nguyễn Thái      | Hoàng  | Nam       | 01/01/2004 | Quảng Bình  | 3.10 | Khá      | D22CQTC02-B |
| 51 | Lê Thế           | Huy    | Nam       | 17/08/2004 | Hà Tây      | 3.21 | Giỏi     | D22CQTC02-B |
| 52 | Nguyễn Phúc      | Huy    | Nam       | 26/01/2004 | Hà Tây      | 3.36 | Giỏi     | D22CQTC02-B |
| 53 | Nguyễn Thanh     | Huyền  | Nữ        | 22/05/2003 | Hà Nội      | 3.35 | Giỏi     | D22CQTC02-B |
| 54 | Nguyễn Thu       | Huyền  | Nữ        | 11/02/2004 | Hà Tây      | 3.20 | Giỏi     | D22CQTC02-B |
| 55 | Nguyễn Thị Ngọc  | Khánh  | Nữ        | 24/01/2004 | Hải Dương   | 3.49 | Giỏi     | D22CQTC02-B |
| 56 | Trần Thư         | Lê     | Nữ        | 27/10/2004 | Thái Bình   | 3.56 | Giỏi     | D22CQTC02-B |
| 57 | Mai Khánh        | Linh   | Nữ        | 26/04/2004 | Hà Nội      | 3.28 | Giỏi     | D22CQTC02-B |
| 58 | Nguyễn Thị Tuyết | Mai    | Nữ        | 11/10/2004 | Hà Tĩnh     | 3.25 | Giỏi     | D22CQTC02-B |
| 59 | Trần Đức         | Mạnh   | Nam       | 15/10/2004 | Hà Nội      | 3.27 | Giỏi     | D22CQTC02-B |
| 60 | Lê Đăng Bình     | Minh   | Nam       | 29/01/2004 | Hà Nội      | 3.28 | Giỏi     | D22CQTC02-B |
| 61 | Vũ Minh          | Ngọc   | Nữ        | 28/03/2004 | Hà Nội      | 3.29 | Giỏi     | D22CQTC02-B |
| 62 | Nguyễn Thị       | Nhung  | Nữ        | 30/10/2004 | Bắc Ninh    | 2.86 | Khá      | D22CQTC02-B |
| 63 | Nguyễn Văn       | Phong  | Nam       | 20/05/2004 | Hà Tĩnh     | 3.34 | Giỏi     | D22CQTC02-B |
| 64 | Nguyễn Minh      | Phương | Nữ        | 11/11/2004 | Hà Tây      | 3.23 | Giỏi     | D22CQTC02-B |
| 65 | Đặng Minh        | Quang  | Nam       | 10/08/2004 | Thái Bình   | 3.23 | Giỏi     | D22CQTC02-B |
| 66 | Khúc Thừa        | Quân   | Nam       | 05/01/2004 | Thanh Hóa   | 2.64 | Khá      | D22CQTC02-B |
| 67 | Bùi Thúy         | Quỳnh  | Nữ        | 21/01/2004 | Thái Bình   | 2.98 | Khá      | D22CQTC02-B |
| 68 | Đặng Hữu         | Tâm    | Nam       | 21/04/2004 | Hà Tây      | 3.32 | Giỏi     | D22CQTC02-B |

| TT | Họ và tên  |       | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh    | ĐTB  | Xếp loại | Ghi chú     |
|----|------------|-------|-----------|------------|-------------|------|----------|-------------|
| 69 | Nguyễn Chí | Tiến  | Nam       | 26/01/2004 | Quảng Trị   | 3.65 | Xuất sắc | D22CQTC02-B |
| 70 | Hoàng Đức  | Tôn   | Nam       | 27/07/2004 | Thái Bình   | 3.41 | Giỏi     | D22CQTC02-B |
| 71 | Nguyễn Thu | Trang | Nữ        | 02/01/2004 | Bắc Giang   | 3.06 | Khá      | D22CQTC02-B |
| 72 | Nguyễn Anh | Tuấn  | Nam       | 25/05/2004 | Quảng Ninh  | 3.25 | Giỏi     | D22CQTC02-B |
| 73 | Nguyễn Thị | Vân   | Nữ        | 24/07/2004 | Thái Nguyên | 2.81 | Khá      | D22CQTC02-B |
| 74 | Lê Văn     | Việt  | Nam       | 06/11/2004 | Hà Tĩnh     | 3.23 | Giỏi     | D22CQTC02-B |
| 75 | Nguyễn Hữu | Việt  | Nam       | 06/04/2004 | Hà Tây      | 3.20 | Giỏi     | D22CQTC02-B |

**Danh sách gồm 75 sinh viên.**

*Trong đó:*

- *Xuất sắc: 2 sinh viên*
- *Giỏi: 43 sinh viên*
- *Khá: 30 sinh viên*
- *Trung bình: 0 sinh viên*

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**PGS.TS Trần Quang Anh**

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-HV ngày tháng năm 2026 của Giám đốc Học viện)

Khóa: 2022  
Hệ đào tạo: Đại học chính quy  
Hình thức đào tạo: Chính quy  
Đơn vị đào tạo: Cơ sở đào tạo Hà Nội  
Ngành đào tạo: Kế toán

| TT | Họ và tên        |        | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh   | ĐTBCT | Xếp loại   | Ghi chú     |
|----|------------------|--------|-----------|------------|------------|-------|------------|-------------|
| 1  | Nguyễn Thu       | An     | Nữ        | 03/02/2004 | Hà Tây     | 2.90  | Khá        | D22ACCA     |
| 2  | Mai Thị Phương   | Anh    | Nữ        | 25/10/2004 | Thanh Hóa  | 3.26  | Giỏi       | D22ACCA     |
| 3  | Nguyễn Thị Thùy  | Anh    | Nữ        | 27/02/2004 | Ninh Bình  | 2.93  | Khá        | D22ACCA     |
| 4  | Nguyễn Thị Ngọc  | Ánh    | Nữ        | 11/03/2004 | Bắc Ninh   | 3.21  | Giỏi       | D22ACCA     |
| 5  | Vũ Linh          | Chi    | Nữ        | 08/11/2004 | Thanh Hóa  | 2.72  | Khá        | D22ACCA     |
| 6  | Nguyễn Thị Kiều  | Chinh  | Nữ        | 10/12/2004 | Hà Nam     | 2.97  | Khá        | D22ACCA     |
| 7  | Bùi Thị Phương   | Diễm   | Nữ        | 24/10/2004 | Nam Định   | 3.16  | Khá        | D22ACCA     |
| 8  | Nguyễn Mạnh      | Đạt    | Nam       | 12/08/2004 | Hưng Yên   | 2.46  | Trung bình | D22ACCA     |
| 9  | Phạm Thị Mai     | Hoa    | Nữ        | 19/11/2004 | Nam Định   | 3.27  | Giỏi       | D22ACCA     |
| 10 | Trần Nam         | Hoàng  | Nam       | 25/09/2003 | Hà Nam     | 3.35  | Giỏi       | D22ACCA     |
| 11 | Lê Quang         | Huy    | Nam       | 01/01/2004 | Hưng Yên   | 2.88  | Khá        | D22ACCA     |
| 12 | Nguyễn Thúy      | Kiều   | Nữ        | 08/10/2004 | Hoà Bình   | 3.65  | Xuất sắc   | D22ACCA     |
| 13 | Nguyễn Thị Diệu  | Linh   | Nữ        | 18/12/2004 | Vĩnh Phúc  | 3.72  | Xuất sắc   | D22ACCA     |
| 14 | Nguyễn Thị Thùy  | Linh   | Nữ        | 14/06/2004 | Hải Dương  | 3.34  | Giỏi       | D22ACCA     |
| 15 | Nguyễn Hương     | Ly     | Nữ        | 13/12/2004 | Bắc Giang  | 3.07  | Khá        | D22ACCA     |
| 16 | Phạm Như Khánh   | Ly     | Nữ        | 11/10/2004 | Hà Nội     | 3.14  | Khá        | D22ACCA     |
| 17 | Trịnh Hồng       | Minh   | Nữ        | 13/10/2004 | Thái Bình  | 3.23  | Giỏi       | D22ACCA     |
| 18 | Đào Hà           | My     | Nữ        | 16/12/2004 | Hà Tĩnh    | 3.15  | Khá        | D22ACCA     |
| 19 | Nguyễn Thị Bích  | Ngọc   | Nữ        | 20/11/2004 | Hà Tĩnh    | 3.13  | Khá        | D22ACCA     |
| 20 | Bùi Thị Thu      | Phương | Nữ        | 17/12/2004 | Bình Dương | 3.17  | Khá        | D22ACCA     |
| 21 | Nguyễn Trọng     | Quyền  | Nam       | 15/04/2004 | Quảng Ninh | 3.08  | Khá        | D22ACCA     |
| 22 | Đỗ Minh          | Thảo   | Nữ        | 04/07/2004 | Bắc Giang  | 3.33  | Giỏi       | D22ACCA     |
| 23 | Nguyễn Thị Thanh | Thảo   | Nữ        | 14/06/2004 | Bắc Giang  | 3.31  | Giỏi       | D22ACCA     |
| 24 | Thân Thị Phương  | Thảo   | Nữ        | 03/02/2004 | Bắc Giang  | 3.23  | Giỏi       | D22ACCA     |
| 25 | Trịnh Thu        | Thảo   | Nữ        | 22/10/2004 | Thanh Hóa  | 3.05  | Khá        | D22ACCA     |
| 26 | Nguyễn Thị Minh  | Thư    | Nữ        | 05/01/2004 | Nam Định   | 2.71  | Khá        | D22ACCA     |
| 27 | Nguyễn Thùy      | Trang  | Nữ        | 24/06/2003 | Hà Nội     | 3.25  | Giỏi       | D22ACCA     |
| 28 | Nguyễn Thị       | Xuân   | Nữ        | 16/02/2004 | Hà Tây     | 3.61  | Xuất sắc   | D22ACCA     |
| 29 | Vũ Thị           | Yến    | Nữ        | 28/07/2004 | Hà Tây     | 2.94  | Khá        | D22ACCA     |
| 30 | Hoàng Thị Kim    | Anh    | Nữ        | 21/12/2004 | Hà Tây     | 3.42  | Giỏi       | D22CQKT01-B |

| TT | Họ và tên        |        | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh    | ĐTB  | Xếp loại   | Ghi chú     |
|----|------------------|--------|-----------|------------|-------------|------|------------|-------------|
| 31 | Nguyễn Phương    | Anh    | Nữ        | 26/02/2004 | Hà Nội      | 3.40 | Giỏi       | D22CQKT01-B |
| 32 | Lại Ngọc         | Ánh    | Nữ        | 11/12/2004 | Nam Định    | 3.25 | Giỏi       | D22CQKT01-B |
| 33 | Chu Thị          | Chang  | Nữ        | 19/08/2004 | Tuyên Quang | 3.23 | Giỏi       | D22CQKT01-B |
| 34 | Bùi Linh         | Chi    | Nữ        | 04/01/2004 | Nghệ An     | 3.41 | Giỏi       | D22CQKT01-B |
| 35 | Nguyễn Thị Thanh | Chi    | Nữ        | 16/04/2004 | Thanh Hóa   | 3.10 | Khá        | D22CQKT01-B |
| 36 | Trần Thị Thu     | Dung   | Nữ        | 12/05/2004 | Phú Thọ     | 3.36 | Giỏi       | D22CQKT01-B |
| 37 | Phan Tiến        | Đạt    | Nam       | 01/01/2004 | Phú Thọ     | 3.00 | Khá        | D22CQKT01-B |
| 38 | Ngô Thị Hương    | Giang  | Nữ        | 05/02/2004 | Nam Định    | 2.80 | Khá        | D22CQKT01-B |
| 39 | Bùi Thị Thu      | Hà     | Nữ        | 06/12/2003 | Thái Bình   | 3.32 | Giỏi       | D22CQKT01-B |
| 40 | Nguyễn Thị Hồng  | Hạnh   | Nữ        | 12/11/2004 | Hà Nội      | 3.33 | Giỏi       | D22CQKT01-B |
| 41 | Nguyễn Thị       | Hào    | Nữ        | 06/08/2004 | Thanh Hóa   | 2.21 | Trung bình | D22CQKT01-B |
| 42 | Dương Thúy       | Hiền   | Nữ        | 21/12/2004 | Hà Tây      | 3.22 | Giỏi       | D22CQKT01-B |
| 43 | Nguyễn Thu       | Hiền   | Nữ        | 29/12/2004 | Hải Phòng   | 3.70 | Xuất sắc   | D22CQKT01-B |
| 44 | Lê Thị Thanh     | Huyền  | Nữ        | 21/07/2004 | Thanh Hóa   | 3.25 | Giỏi       | D22CQKT01-B |
| 45 | Nguyễn Thu       | Huyền  | Nữ        | 18/10/2004 | Nam Định    | 3.28 | Giỏi       | D22CQKT01-B |
| 46 | Phạm Thị Thu     | Hương  | Nữ        | 09/01/2004 | Nam Định    | 3.20 | Giỏi       | D22CQKT01-B |
| 47 | Hoàng Nhật       | Lệ     | Nữ        | 12/10/2004 | Thanh Hóa   | 3.12 | Khá        | D22CQKT01-B |
| 48 | Lê Thùy          | Linh   | Nữ        | 17/06/2004 | Hà Tây      | 3.28 | Giỏi       | D22CQKT01-B |
| 49 | Nguyễn Việt      | Linh   | Nam       | 13/11/2004 | Hà Nội      | 2.75 | Khá        | D22CQKT01-B |
| 50 | Nguyễn Thị Thu   | Luyện  | Nữ        | 10/01/2004 | Bắc Ninh    | 3.21 | Giỏi       | D22CQKT01-B |
| 51 | Lý Nguyệt        | Nga    | Nữ        | 21/12/2004 | Cao Bằng    | 3.08 | Khá        | D22CQKT01-B |
| 52 | Đặng Thị Kim     | Ngân   | Nữ        | 03/11/2004 | Hải Dương   | 3.10 | Khá        | D22CQKT01-B |
| 53 | Nguyễn Minh      | Nguyệt | Nữ        | 12/03/2004 | Hà Nội      | 3.49 | Giỏi       | D22CQKT01-B |
| 54 | Lê Thị Linh      | Nhi    | Nữ        | 26/02/2004 | Vĩnh Phúc   | 2.99 | Khá        | D22CQKT01-B |
| 55 | Nguyễn Thị Quỳnh | Nhi    | Nữ        | 30/12/2004 | Nghệ An     | 3.34 | Giỏi       | D22CQKT01-B |
| 56 | Đỗ Thị Hồng      | Nhung  | Nữ        | 24/09/2004 | Thanh Hóa   | 3.65 | Xuất sắc   | D22CQKT01-B |
| 57 | Nguyễn Thị Kim   | Oanh   | Nữ        | 05/01/2004 | Hà Nội      | 3.45 | Giỏi       | D22CQKT01-B |
| 58 | Nguyễn Thị Thu   | Phương | Nữ        | 30/11/2004 | Nam Định    | 3.19 | Khá        | D22CQKT01-B |
| 59 | Trần Thị         | Phương | Nữ        | 28/09/2004 | Thái Bình   | 3.22 | Giỏi       | D22CQKT01-B |
| 60 | Nguyễn Thị Hồng  | Quý    | Nữ        | 28/08/2004 | Thái Bình   | 3.24 | Giỏi       | D22CQKT01-B |
| 61 | Trần Thị         | Thu    | Nữ        | 25/05/2004 | Vĩnh Phúc   | 3.17 | Khá        | D22CQKT01-B |
| 62 | Nguyễn Thị Huyền | Thương | Nữ        | 07/01/2004 | Hà Tây      | 2.99 | Khá        | D22CQKT01-B |
| 63 | Bùi Thị Ánh      | Tuyết  | Nữ        | 05/03/2004 | Thái Bình   | 3.30 | Giỏi       | D22CQKT01-B |
| 64 | Đỗ Tố            | Uyên   | Nữ        | 14/07/2004 | Ninh Bình   | 3.08 | Khá        | D22CQKT01-B |
| 65 | Đặng Thị Ngọc    | Anh    | Nữ        | 17/12/2004 | Hà Tây      | 2.75 | Khá        | D22CQKT02-B |
| 66 | Nguyễn Nam       | Anh    | Nam       | 18/02/2004 | Hà Tây      | 2.79 | Khá        | D22CQKT02-B |
| 67 | Trần Thị Lan     | Anh    | Nữ        | 22/03/2004 | Hà Tây      | 3.32 | Giỏi       | D22CQKT02-B |
| 68 | Nguyễn Minh      | Ánh    | Nữ        | 20/07/2004 | Cao bằng    | 2.55 | Khá        | D22CQKT02-B |

| TT  | Họ và tên        |        | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh  | ĐTB  | Xếp loại | Ghi chú     |
|-----|------------------|--------|-----------|------------|-----------|------|----------|-------------|
| 69  | Nguyễn Thị       | Ánh    | Nữ        | 26/04/2004 | Vĩnh Phúc | 3.35 | Giỏi     | D22CQKT02-B |
| 70  | Đinh Thu         | Chang  | Nữ        | 20/09/2004 | Phú Thọ   | 3.40 | Giỏi     | D22CQKT02-B |
| 71  | Trần Thị         | Hạnh   | Nữ        | 15/09/2004 | Nam Định  | 2.95 | Khá      | D22CQKT02-B |
| 72  | Đỗ Thu           | Hiền   | Nữ        | 28/12/2004 | Hà Nội    | 2.61 | Khá      | D22CQKT02-B |
| 73  | Nguyễn Thị       | Hồng   | Nữ        | 12/11/2004 | Vĩnh Phúc | 3.32 | Giỏi     | D22CQKT02-B |
| 74  | Nguyễn Khánh     | Huyền  | Nữ        | 28/07/2004 | Phú Thọ   | 2.91 | Khá      | D22CQKT02-B |
| 75  | Nguyễn Thu       | Huyền  | Nữ        | 02/01/2004 | Thái Bình | 3.42 | Giỏi     | D22CQKT02-B |
| 76  | Nguyễn Duy       | Khánh  | Nam       | 04/09/2004 | Hà Tây    | 3.29 | Giỏi     | D22CQKT02-B |
| 77  | Dương Thị        | Linh   | Nữ        | 04/09/2004 | Bắc Giang | 3.08 | Khá      | D22CQKT02-B |
| 78  | Nguyễn Thị Thùy  | Linh   | Nữ        | 05/08/2004 | Hà Nam    | 3.00 | Khá      | D22CQKT02-B |
| 79  | Phạm Thùy        | Linh   | Nữ        | 13/12/2004 | Thái Bình | 3.29 | Giỏi     | D22CQKT02-B |
| 80  | Nguyễn Thị Thanh | Mai    | Nữ        | 06/10/2004 | Nam Định  | 3.02 | Khá      | D22CQKT02-B |
| 81  | Trịnh Ngọc       | Mai    | Nữ        | 03/07/2004 | Thanh Hóa | 3.31 | Giỏi     | D22CQKT02-B |
| 82  | Nông Thu         | Nga    | Nữ        | 02/04/2004 | Yên Bái   | 2.77 | Khá      | D22CQKT02-B |
| 83  | Nguyễn Thị Kim   | Nguyên | Nữ        | 14/06/2004 | Hà Tây    | 3.21 | Giỏi     | D22CQKT02-B |
| 84  | Phùng Thị Minh   | Nguyệt | Nữ        | 06/01/2004 | Vĩnh Phúc | 3.27 | Giỏi     | D22CQKT02-B |
| 85  | Nguyễn Thị       | Nhung  | Nữ        | 18/10/2004 | Bắc Giang | 2.95 | Khá      | D22CQKT02-B |
| 86  | Trần Thị Quỳnh   | Như    | Nữ        | 28/03/2004 | Hà Tĩnh   | 3.13 | Khá      | D22CQKT02-B |
| 87  | Nguyễn Mai       | Phương | Nữ        | 02/11/2004 | Phú Thọ   | 3.34 | Giỏi     | D22CQKT02-B |
| 88  | Nguyễn Thu       | Phương | Nữ        | 09/07/2004 | Hà Tây    | 3.49 | Giỏi     | D22CQKT02-B |
| 89  | Ngô Thảo         | Quên   | Nữ        | 17/03/2004 | Nam Định  | 3.07 | Khá      | D22CQKT02-B |
| 90  | Nguyễn Thị Như   | Quỳnh  | Nữ        | 03/05/2004 | Hải Phòng | 3.13 | Khá      | D22CQKT02-B |
| 91  | Nguyễn Văn       | Thắng  | Nam       | 09/09/2003 | Thanh Hóa | 2.91 | Khá      | D22CQKT02-B |
| 92  | Ngô Thị Thu      | Trang  | Nữ        | 11/10/2004 | Hà Nội    | 3.22 | Giỏi     | D22CQKT02-B |
| 93  | Nguyễn Thị Minh  | Trang  | Nữ        | 02/11/2004 | Nam Định  | 2.89 | Khá      | D22CQKT02-B |
| 94  | Phan Thị         | Tú     | Nữ        | 10/02/2004 | Thanh Hóa | 2.92 | Khá      | D22CQKT02-B |
| 95  | Lê Thị Cẩm       | Vân    | Nữ        | 14/01/2003 | Hà Nam    | 2.75 | Khá      | D22CQKT02-B |
| 96  | Nguyễn Thị       | Vân    | Nữ        | 11/10/2004 | Hải Dương | 2.86 | Khá      | D22CQKT02-B |
| 97  | Nguyễn Thị       | Vinh   | Nữ        | 15/12/2004 | Hà Nội    | 3.40 | Giỏi     | D22CQKT02-B |
| 98  | Bùi Thị          | Dịu    | Nữ        | 06/08/2004 | Hung Yên  | 3.00 | Khá      | D22CQKT03-B |
| 99  | Trần Thị Mai     | Dung   | Nữ        | 27/07/2004 | Phú Thọ   | 3.75 | Xuất sắc | D22CQKT03-B |
| 100 | Lê Thị           | Duyên  | Nữ        | 16/10/2004 | Thanh Hóa | 2.99 | Khá      | D22CQKT03-B |
| 101 | Lê Hương         | Giang  | Nữ        | 25/10/2004 | Hà Nội    | 3.47 | Giỏi     | D22CQKT03-B |
| 102 | Đỗ Thị Thu       | Hà     | Nữ        | 08/03/2004 | Hà Nội    | 3.38 | Giỏi     | D22CQKT03-B |
| 103 | Vương Thị Hồng   | Hạnh   | Nữ        | 12/02/2004 | Hung Yên  | 2.86 | Khá      | D22CQKT03-B |
| 104 | Nguyễn Thanh     | Hằng   | Nữ        | 22/10/2004 | Vĩnh Phúc | 3.42 | Giỏi     | D22CQKT03-B |
| 105 | Nguyễn Minh      | Hiếu   | Nam       | 20/09/2004 | Hung Yên  | 2.89 | Khá      | D22CQKT03-B |
| 106 | Nguyễn Thị Thu   | Hồng   | Nữ        | 05/06/2004 | Bắc Giang | 2.96 | Khá      | D22CQKT03-B |

| TT  | Họ và tên       |        | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh    | ĐTB  | Xếp loại | Ghi chú     |
|-----|-----------------|--------|-----------|------------|-------------|------|----------|-------------|
| 107 | Hoàng Thị       | Huyền  | Nữ        | 13/11/2004 | Hà Tây      | 3.26 | Giỏi     | D22CQKT03-B |
| 108 | Nguyễn Thị Ngọc | Huyền  | Nữ        | 07/04/2004 | Hà Nam      | 3.48 | Giỏi     | D22CQKT03-B |
| 109 | Phùng Thị       | Huyền  | Nữ        | 15/05/2004 | Nam Định    | 2.67 | Khá      | D22CQKT03-B |
| 110 | Nguyễn Thị Thu  | Hương  | Nữ        | 24/06/2004 | Nam Định    | 2.97 | Khá      | D22CQKT03-B |
| 111 | Nghiêm Thị      | Hường  | Nữ        | 03/09/2004 | Bắc Ninh    | 3.22 | Giỏi     | D22CQKT03-B |
| 112 | Nguyễn Ngọc     | Linh   | Nữ        | 20/09/2004 | Hà Nội      | 3.29 | Giỏi     | D22CQKT03-B |
| 113 | Nguyễn Thị Thùy | Linh   | Nữ        | 20/10/2004 | Hà Tây      | 3.49 | Giỏi     | D22CQKT03-B |
| 114 | Nguyễn Thùy     | Linh   | Nữ        | 27/10/2004 | Hưng Yên    | 2.92 | Khá      | D22CQKT03-B |
| 115 | Trần Thị Diệu   | Linh   | Nữ        | 14/09/2004 | Vĩnh Phúc   | 2.96 | Khá      | D22CQKT03-B |
| 116 | Nguyễn Thị Xuân | Mai    | Nữ        | 14/01/2004 | Bắc Ninh    | 3.26 | Giỏi     | D22CQKT03-B |
| 117 | Vũ Thị Ngọc     | Mỹ     | Nữ        | 28/08/2004 | Hải Dương   | 2.67 | Khá      | D22CQKT03-B |
| 118 | Chu Việt        | Ngà    | Nữ        | 24/11/2004 | Cao Bằng    | 2.96 | Khá      | D22CQKT03-B |
| 119 | Lê Thị Hà       | Phương | Nữ        | 24/08/2004 | Thái Bình   | 3.01 | Khá      | D22CQKT03-B |
| 120 | Hoàng Lê Ngọc   | Phượng | Nữ        | 06/03/2004 | Hà Nam      | 3.48 | Giỏi     | D22CQKT03-B |
| 121 | Phạm Thị Diệu   | Thúy   | Nữ        | 15/03/2004 | Nam Định    | 3.30 | Giỏi     | D22CQKT03-B |
| 122 | Trần Thị Hoài   | Thương | Nữ        | 21/04/2004 | Tuyên Quang | 3.23 | Giỏi     | D22CQKT03-B |
| 123 | Ngô Thùy        | Trang  | Nữ        | 21/03/2004 | Bắc Giang   | 3.28 | Giỏi     | D22CQKT03-B |
| 124 | Phạm Ngọc Quỳnh | Trang  | Nữ        | 08/01/2004 | Nam Định    | 2.58 | Khá      | D22CQKT03-B |
| 125 | Phạm Tuấn       | Trường | Nam       | 20/01/2004 | Hà Nam      | 2.54 | Khá      | D22CQKT03-B |
| 126 | Nguyễn Anh      | Tuấn   | Nam       | 03/04/2004 | Hồ Chí Minh | 3.35 | Giỏi     | D22CQKT03-B |
| 127 | Mai Thị Diệu    | Uyên   | Nữ        | 08/02/2004 | Thanh Hóa   | 2.59 | Khá      | D22CQKT03-B |
| 128 | Hoàng Thị Hải   | Yến    | Nữ        | 25/09/2004 | Vĩnh Phúc   | 2.80 | Khá      | D22CQKT03-B |

**Danh sách gồm 128 sinh viên.**

Trong đó:

- Xuất sắc: 6 sinh viên
- Giỏi: 58 sinh viên
- Khá: 62 sinh viên
- Trung bình: 2 sinh viên

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**PGS.TS Trần Quang Anh**